

“SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP”

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Tỉnh Cần Thơ - nay là Thành phố Cần Thơ - cấp ngày ngày 28/02/2002)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định niêm yết số/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành
phố Hồ Chí Minh cấp ngày tháng năm 2009)

Bản cáo bạch này sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong

Lô 24 Khu Công nghiệp Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ

Điện thoại: (84.710) 3841 560 – 3843 236 Fax : (84.710) 3841 560

Email : mkf@hcm.vnn.vn Website : www.mekongfish.com

2. Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3824 2897 Fax : (84.8) 3824 4259

Email : ssi@ssi.com.vn Website : www.ssi.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: NGUYỄN HOÀNG NHƠN

Chức vụ: PHÓ GIÁM ĐỐC

Số điện thoại: (84.710) 3841294 - 3843236

Fax: (84.710) 3841192



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG (MEKONGFISH)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Tỉnh Cần Thơ - nay là Thành phố Cần Thơ - cấp ngày ngày 28/02/2002)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết:	8.100.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá):	81.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

❖ Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Trụ sở chính

Địa chỉ : 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại : (84.8) 3824 2897 Fax : (84.8) 3824 7430
Email : ssi@ssi.com.vn Website : www.ssi.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 3936 6321 Fax : (84.4) 3936 6311
Email : ssi_hn@ssi.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ : 229 Đồng Khởi, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại : (84.8) 38 272 295 Fax: (84.8) 38 272 298 – 38 272 300



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1. Rủi ro về kinh tế	1
2. Rủi ro pháp luật	1
3. Rủi ro ngành nghề	1
4. Rủi ro khác	2
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	3
1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong (MEKONGFISH)	3
2. Tổ chức tư vấn - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	3
III. CÁC KHÁI NIỆM	3
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	4
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	6
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	7
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông của Công ty	10
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết	11
6. Hoạt động kinh doanh	11
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các năm gần đây.	26
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	28
9. Chính sách đối với người lao động	29
10. Chính sách cổ tức	31
11. Tình hình hoạt động tài chính	31
12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	34
13. Tài sản	44
14. Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức trong những năm tiếp theo và kế hoạch đầu tư	45
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	48
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết	49
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết	49



V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	49
1. Loại cổ phiếu	49
2. Mệnh giá cổ phiếu	49
3. Tổng số cổ phiếu niêm yết	49
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	49
5. Phương pháp tính giá	50
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	52
7. Các loại thuế có liên quan	52
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	54
1. Tổ chức kiểm toán	54
2. Tổ chức tư vấn	55
VII. PHỤ LỤC	56



DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1: Quá trình thay đổi vốn điều lệ	4
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên tại 30/04/2009	10
Bảng 3: Cơ cấu vốn cổ phần tại 30/04/2009	11
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của Công ty	12
Bảng 5: Giá trị xuất khẩu của Công ty qua các năm	13
Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận trước thuế của Công ty qua các năm	13
Bảng 7: Chi phí sản xuất theo nhóm sản phẩm	17
Đơn vị tính: Triệu VNĐ	17
Bảng 8: Cơ cấu chi phí theo yếu tố	18
Bảng 9: Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết	25
Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh	26
Bảng 11 : Cơ cấu lao động tại 31/03/2009	30
Bảng 12: Các khoản phải thu	33
Bảng 13: Các khoản phải trả	33
Bảng 14: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	33
Bảng 15: Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	34
Bảng 16: Một số tài sản chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/03/2009	44
Bảng 17: Tình hình nhà xưởng đất đai của Công ty	44
Bảng 18: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức những năm tiếp theo	45
Bảng 19: Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	49



NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Cùng với tốc độ tăng trưởng khá cao của nền kinh tế trong những năm gần đây, ngành thủy sản Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ với kim ngạch xuất khẩu ngày càng tăng (kim ngạch xuất khẩu năm 2006 là 3.348 triệu USD, năm 2007 là 3.756 triệu USD và năm 2008 là 4.509 triệu USD) (*Nguồn: VASEP Việt Nam*). Nền kinh tế tăng trưởng tốt và ổn định sẽ tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong nước nói chung và MEKONGFISH nói riêng có được môi trường kinh doanh thuận lợi hơn; đồng thời, khả năng tiêu thụ sản phẩm trong nước cũng sẽ được mở rộng nhờ thu nhập người dân được cải thiện. Mặt khác, trong thời gian qua tình hình lạm phát và suy thoái kinh tế cũng diễn biến khá phức tạp, do vậy nếu tình trạng lạm phát xảy ra liên tục ở mức độ cao, suy thoái kinh tế kéo dài sẽ dẫn đến tình trạng doanh nghiệp phải liên tục đối phó với chi phí hoạt động ngày càng tăng, làm giảm khả năng sinh lời của Công ty.

2. Rủi ro pháp luật

Hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán. Các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này hiện vẫn đang trong quá trình tiếp tục được hoàn thiện. Do vậy, việc thực thi và sự ổn định của hệ thống các văn bản pháp lý này sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro ngành nghề

a) Rủi ro từ nguồn nguyên liệu cho sản xuất

- Môi trường nuôi trồng: Nếu việc quy hoạch nuôi trồng thủy sản không phù hợp sẽ dẫn đến môi trường tự nhiên bị ô nhiễm, làm tăng khả năng dịch bệnh ở cá và có thể dẫn đến việc có một số người nuôi cá bị thiệt hại, sẽ bỏ dần việc nuôi cá, làm biến động nguồn nguyên liệu cho Công ty.
- Điều kiện tự nhiên: khi thời tiết thay đổi nhiều, số lượng và chất lượng cá nuôi cũng sẽ bị ảnh hưởng, từ đó làm ảnh hưởng đến nguồn cá nguyên liệu cho Công ty.
- Cạnh tranh trong thu mua nguyên liệu: điều này thường xảy ra trong lúc trái mùa (khan hiếm cá) do trong vùng Công ty đang hoạt động có rất nhiều nhà máy chế biến cá tra.
- Công nghệ nuôi cá: đó là nguồn con giống, thức ăn, công nghệ nuôi, thuốc chữa bệnh, v.v... Nếu người nuôi không tuân thủ chặt chẽ các quy định của ngành thủy sản sẽ dẫn đến những bất ổn trong chất lượng và số lượng nguyên liệu cung ứng cho Công ty.

Trong hoạt động sản xuất, MEKONGFISH đã chủ động tạo nguồn cung ứng nguyên liệu cá tra thông qua các thành viên Câu lạc bộ nuôi cá sạch (cung cấp từ 80% - 90% nguyên



liệu cho công ty) và áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất phù hợp nên rủi ro nêu trên phần nào được hạn chế.

b) Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Do sản phẩm của Công ty sản xuất chủ yếu được xuất khẩu nên rủi ro có thể xảy ra khi có sự thay đổi hành vi của người tiêu thụ ở các nước nhập khẩu thủy sản của Việt Nam. Bên cạnh đó, các chính sách bảo hộ người nuôi cá ở các nước nhập khẩu đã diễn ra qua các vụ kiện chống bán phá giá, cũng như sự thay đổi ngày càng khắt khe về các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn về chất lượng, tiêu chuẩn về kiểm dịch, thuốc, hóa chất sử dụng trong quá trình chăn nuôi và chế biến thủy sản là những nhân tố có thể làm thu hẹp thị trường xuất khẩu và làm ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

c) Rủi ro trong hoạt động xuất khẩu

Một số rủi ro trong hoạt động xuất khẩu Công ty có thể gặp phải như:

- Quy cách, chất lượng, bao bì có lúc chưa phù hợp nên phải giảm giá bán hoặc trả hàng về do bị nhiễm thuốc kháng sinh trong khi tại Việt Nam cơ quan chức năng đã kiểm đạt yêu cầu.
- Giao hàng chậm trễ bị khách hàng từ chối nhận hàng.
- Thay đổi giá đột biến trên thị trường tiêu thụ ở nước ngoài có thể dẫn đến việc khách hàng tìm cách không nhận hàng hoặc đòi hỏi giảm giá bằng nhiều cách.

d) Rủi ro về tỷ giá

Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Công ty là xuất khẩu thủy sản nên phần lớn doanh thu của Công ty đều bằng ngoại tệ, trong khi Công ty sử dụng phần lớn nguồn nguyên liệu ở trong nước, nên rủi ro sẽ có thể xảy ra khi có sự biến động bất lợi về tỷ giá làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn trên đường vận chuyển hàng hóa, nguyên liệu... là những rủi ro bất khả kháng, tuy rất ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây ra những thiệt hại nhất định và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động chung của Công ty.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong (MEKONGFISH)

Ông **Lương Hoàng Mạnh** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Bà **Trần Thị Bé Năm** Chức vụ: Kế Toán Trưởng

Bà **Nguyễn Kim Phụng** Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Ông **Nguyễn Hồng Nam** Chức vụ: Giám đốc Điều hành

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong (MEKONGFISH). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do MEKONGFISH cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- Công ty : Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong
- XN : Xí Nghiệp
- Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong
- MEKONGFISH : Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong
- SSI : Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
- HOSE : Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
- CB-CNV : Cán bộ công nhân viên
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- Vốn CSH : Vốn chủ sở hữu
- VDL : Vốn điều lệ
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- ĐHĐCĐ : Đại Hội Đồng Cổ Đông
- HACCP : Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn
- GMP: Goods Manufacturing Practice - Quy phạm về thực hành sản xuất tốt
- SQF: Safe Quality Food - Thực phẩm đạt chất lượng an toàn
- SSOP: Sanitation Standard Operating Procedures – Quy phạm vệ sinh



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

MEKONGFISH là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, chế biến xuất khẩu nông sản, thủy sản ở khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long - một khu vực có thế mạnh về nuôi trồng và kinh doanh nông thủy sản của cả nước hiện nay.

Công ty được thành lập theo Quyết định số 592/QĐ-CT.UB ngày 26 tháng 02 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ (nay là TP.Cần Thơ) và giấy phép đăng ký kinh doanh số 5703000016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 28 tháng 02 năm 2002, đăng ký thay đổi lần 05 ngày 03 tháng 01 năm 2008.

- Tên đầy đủ bằng Tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG**
- Tên giao dịch đối ngoại: **MEKONG FISHERIES JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **MEKONGFISH**
- Địa chỉ: Lô 24 Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ.
- Điện thoại: (84.710) 3841560 - 3843236 Fax: (84.710) 3841560
- Website: www.mekongfish.com
- Mã số thuế: 1800448811
- Nơi mở tài khoản:

STT	Ngân hàng giao dịch	Số tài khoản VND	Số tài khoản USD
1.	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB)	011.100.004711.7	011.137.004711.6
2.	Ngân hàng Công thương Việt Nam (ICB)	102010000284558	102020000032389

- Vốn điều lệ hiện tại: **81.000.000.000 đồng**
- Quá trình thay đổi vốn điều lệ:

Bảng 1: Quá trình thay đổi vốn điều lệ

Thời gian	Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)	Phương thức	Ghi chú
28/02/2002	20.000.000.000		Vốn góp ban đầu khi thành lập	Chuyển đổi từ Xí nghiệp Chế biến Nông sản Thực phẩm Cần Thơ
18/12/2006	30.000.000.000	10.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thương cho cổ đông theo tỷ lệ 2:1 từ nguồn lợi nhuận giữ lại	Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số: 01/NQ-ĐHCĐ.2006 ngày 18/01/2006



Thời gian	Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)	Phương thức	Ghi chú
10/10/2007	50.000.000.000	20.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho nhà đầu tư lớn, phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ chủ chốt của Công ty.	Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ.MFC.2007 ngày 09/02/2007 và nghị quyết HĐQT số 03/NQ-HĐQT.MFC.2007 ngày 18/04/2007
03/01/2008	81.000.000.000 Giấy ĐKKD thay đổi lần thứ 05 ngày 03/01/2008	31.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho nhà đầu tư lớn, phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ chủ chốt của Công ty.	Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ.AAM.2007 ngày 03/11/2007 và nghị quyết HĐQT số 07/NQ-HĐQT.2007 ngày 29/10/2007

- Lĩnh vực hoạt động của Công ty: Thu mua, gia công, chế biến, xuất nhập thủy sản, gạo và các loại nông sản; Nhập khẩu vật tư hàng hóa, máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp nuôi trồng và chế biến thủy sản; Nuôi trồng thủy sản, sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản, sản xuất con giống phục vụ nuôi trồng thủy sản; Nhập khẩu thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản; Nhập khẩu kinh doanh phân bón, sắt thép các loại; Đầu tư tài chính, kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê.
- Các sản phẩm, dịch vụ chính:
 - Cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu;
 - Bạch tuộc đông lạnh xuất khẩu;
 - Mực, cá đuối đông lạnh xuất khẩu;
 - Thủy sản khác xuất khẩu.
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển
 - Tiền thân của Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong là Xí nghiệp Rau quả đông lạnh xuất khẩu Hậu Giang do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cần Thơ (Hậu Giang) ký quyết định thành lập tháng 04 năm 1979. Xí nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến rau quả (khóm đông lạnh) xuất khẩu sang Liên Xô và các nước Đông Âu cũ.
 - Từ năm 1991 đến năm 1996, công ty chuyển sang chế biến thủy sản sản xuất khẩu (chủ yếu là thủy sản), do biến động chính trị ở Liên Xô và các nước Đông Âu nên xí nghiệp ngừng sản xuất mặt hàng khóm đông lạnh xuất khẩu.
 - Từ năm 1997 đến cuối năm 2001, Xí nghiệp đổi tên thành Xí nghiệp Chế biến Nông sản Thực phẩm Cần Thơ.

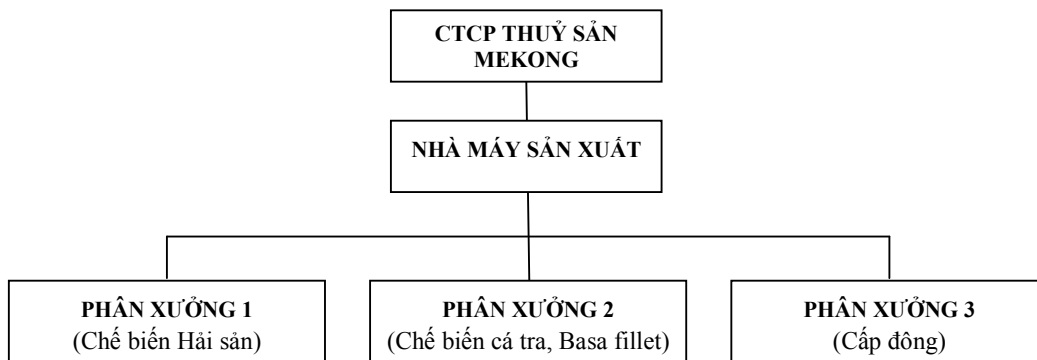


- Ngày 26/02/2002, UBND tỉnh Cần Thơ ra quyết định số 592/QĐ-CT.UB chuyển Xí nghiệp Chế biến Nông sản Thực phẩm Cần Thơ thành Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong và kể từ đó đến nay, hoạt động của Công ty liên tục đạt hiệu quả tốt. Doanh thu và lợi nhuận hoạt động tăng trưởng trung bình trên 10% trong 3 năm trở lại đây. Chính vì vậy, để tiếp tục mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã tăng quy mô vốn điều lệ lên rất nhanh, từ 20 tỷ đồng vốn điều lệ lúc thành lập được tăng lên 30 tỷ đồng vào năm 2006 và lên 50 tỷ đồng vào tháng 10 năm 2007. Tính đến đầu tháng 01 năm 2008, vốn điều lệ của Công ty đã đạt 81 tỷ đồng.
- Trong quá trình hoạt động từ năm 2002 đến nay, Công ty có những danh hiệu được Nhà Nước phong tặng như:
 - Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2005
 - Bằng khen của Bộ Thương Mại về thành tích xuất khẩu trong các năm 2002-2004.
 - Bằng khen của Bộ Thương Mại về doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2005-2007.
 - Huy chương vàng sản phẩm chất lượng cao (năm 2004-2006).
- Đặc biệt từ tháng 4/2009 công ty nằm trong 10 doanh nghiệp được phép xuất khẩu Cá tra sang thị trường Nga, là thị trường lớn, ổn định cho sự phát triển bền vững của công ty.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Hiện nay mọi hoạt động kinh doanh của Công ty đều tập trung tại trụ sở chính, tại lô 24 Khu Công Nghiệp Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ. Công ty có 01 nhà máy với 3 phân xưởng chế biến. Các phân xưởng chế biến đều tập trung tại địa chỉ này.

- Phân xưởng 1: Chế biến hải sản (Bạch tuộc, mực, mada, ...)
- Phân xưởng 2: Chế biến cá tra, Basa fillet
- Phân xưởng 3: Cấp đông hàng

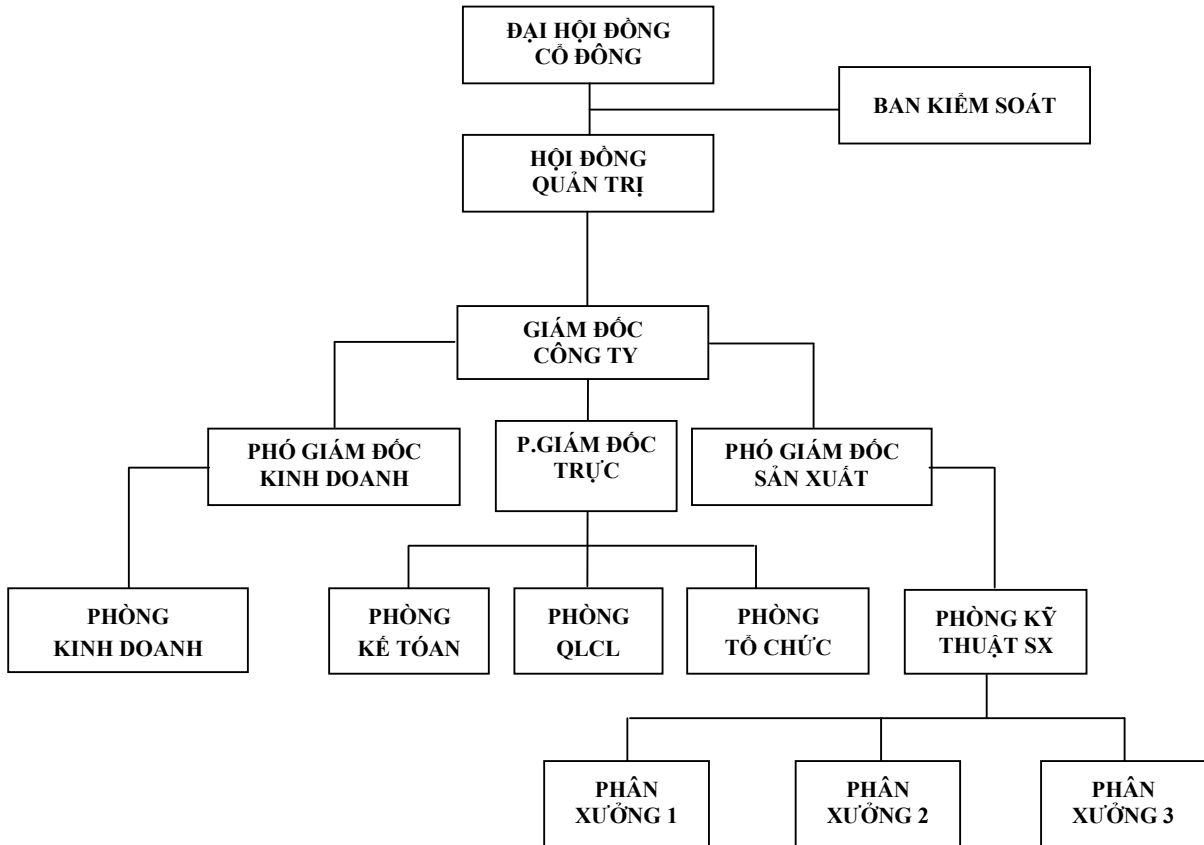


Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty



3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, chi tiết như sau:



Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

- **Giám đốc:**
 - Ông Lương Hoàng Mạnh
 - Điện thoại : 0913.974.801
- **Phó giám đốc sản xuất:**
 - Bà Nguyễn Thị Chính
 - Điện thoại : 0913.118.868
- **Phó giám đốc trực:**
 - Ông Nguyễn Hoàng Nhơn
 - Điện thoại : 0903.024.949
- **Phó giám đốc kinh doanh:**



- Ông Tăng Tuấn Anh
- Điện thoại : 0913.763.475
- **Trưởng phòng quản lý chất lượng:**
 - Bà Lê Thị Yến Nhi
 - Điện thoại : 0919.342.577
- **Trưởng phòng Tổ chức hành chính:**
 - Ông Lê Việt Đông
 - Điện thoại : 0919.099.776
- **Trưởng phòng Tài chính và kế toán:**
 - Bà Trần Thị Bé Năm
 - Điện thoại : 0913.818.064
- **Trưởng phòng kinh doanh:**
 - Ông Tăng Tuấn Anh (*Kiểm nhiệm*)
 - Điện thoại : 0913.763.475
- **Trưởng phòng kỹ thuật:**
 - Ông Tô Kim Thái
 - Điện thoại: 0918.559.534

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, trung và dài hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính hàng năm của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị điều hành hoặc chỉ đạo các hoạt động sản xuất, kinh doanh và các công việc khác phù hợp với Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc hoặc Giám đốc Công ty. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

Ban Giám đốc



Ban giám đốc Công ty gồm có Giám đốc và 03 phó giám đốc (Phó giám đốc trực, Phó giám đốc kinh doanh và Phó giám đốc kỹ thuật - sản xuất).

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất trong mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Giám đốc lựa chọn và đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm các Phó giám đốc.

❖ **Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban Công ty**

- a) **Phòng tổ chức, hành chính:** Phụ trách các công việc về công tác tổ chức, tiền lương; có nhiệm vụ đảm bảo việc tuân thủ của CB-CNV đối với các quy định của Công ty và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về những vấn đề liên quan đến nhân sự và chế độ chính sách người lao động.
- b) **Phòng kỹ thuật:** Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ hệ thống máy, thiết bị, nhà xưởng trong phạm vi toàn Công ty, tham mưu và đề xuất với Ban giám đốc về việc nghiên cứu cải tiến công nghệ, áp dụng công nghệ mới vào sản xuất.
- c) **Phòng quản lý chất lượng:** Thực hiện kiểm soát các hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm như đảm bảo thu mua nguyên liệu đủ chất lượng, không để sản xuất bị ách tắc; sắp xếp, bố trí và phân công công nhân viên thuộc phòng; yêu cầu các phòng ban, bộ phận khác tuân thủ những vấn đề liên quan đến chất lượng sản phẩm thuộc phần hành mình quản lý; tổ chức và kiểm tra việc thực hiện quản lý chất lượng theo các chương trình, các bộ tiêu chuẩn của Công ty quy định, đáp ứng theo yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- d) **Phòng kinh doanh:** Tổ chức quan hệ, tìm kiếm khách hàng để Công ty có thể tham gia ký kết các hợp đồng kinh tế và theo dõi việc thực hiện hợp đồng; làm thủ tục xuất khẩu (hải quan, vận chuyển hàng); hoàn chỉnh chứng từ xuất khẩu; phối hợp với các phân xưởng sản xuất để lên kế hoạch sản xuất và xuất khẩu hàng hóa; xây dựng kế hoạch vật tư, bao bì, nguyên liệu và tổ chức thực hiện kế hoạch cung ứng kịp thời phục vụ sản xuất; quản lý kho thành phẩm, vật tư, bao bì sản xuất; tham mưu cho Giám đốc về giá và chiến lược xuất khẩu; tham gia các kỳ hội chợ trong - ngoài nước và các hoạt động xúc tiến thương mại.
- e) **Phòng tài chính và kế toán:** Có trách nhiệm kiểm tra các hoạt động kinh tế phát sinh, tổ chức bộ máy kế toán thống kê, phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực mọi hoạt động của Công ty, lập đầy đủ và đúng hạn các báo cáo kịp thời đúng quy định, thực hiện việc trích nộp và thanh toán theo chế độ, thực hiện đúng quy định về kiểm kê, kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành luật pháp.



4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông của Công ty

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/04/2009

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên tại 30/04/2009

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty Cổ phần XNK thủy sản Bến Tre	Xã Tân Thạch - Huyện Châu Thành - tỉnh Bến Tre	1.206.037	14,89%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư IPA	57 Bến Chương Dương, Quận 1 TP Hồ Chí Minh	688.384	8,5%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt	Lầu 3, lầu 5, 63A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	439.000	5,42%
TỔNG CỘNG			2.333.421	28,81%

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Mekong

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/04/2009

TT	TÊN CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ	SỐ CP NẮM GIỮ	TỶ LỆ
1	Lương Hoàng Mạnh	128 B ₁ TT TM Cái Khế, TP Cần Thơ	237.122	2,93%
2	Nguyễn Thị Chính	61 B/8 Lê Hồng Phong, TP Cần Thơ	185.000	2,28%
3	Trần Thị Bé Năm	164/14 Cách Mạng T8, TP Cần Thơ	145.200	1,79%
4	Ngô Thị Thó	56 Châu Văn Đăng, TP Cà Mau	92.930	1,15%
5	Nguyễn Hoàng Nhơn	2 A đường 30/4, TP Cần Thơ	189.000	2,33%
	Tổng cộng		849.252	10.48%

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Mekong

Do Công ty được thành lập từ ngày 28/02/2002 nên đến nay, cổ đông sáng lập không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

4.3 Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 30/04/2009

Bảng 3: Cơ cấu vốn cổ phần tại 30/04/2009

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1.	Tổ chức trong nước (04 tổ chức)	2.433.421	30,04%
2.	Cá nhân trong nước (197 cổ đông)	5.666.579	69,96%
3.	Tổ chức nước ngoài (0 tổ chức)	-	-
4.	Cá nhân nước ngoài (0 cổ đông)	-	-
Tổng cộng		8.100.000	100%

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Mekong

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết
Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm

- Các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty hiện nay gồm:
 - **Cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu:** Đây là mặt hàng chủ lực của Công ty, được sản xuất quanh năm với công suất chế biến hiện nay khoảng 9.000 tấn/năm và dự kiến sẽ phát triển trên 10.000 tấn/năm kể từ năm 2010. Các chủng loại sản phẩm Cá tra xuất khẩu của Công ty được thị trường ưa chuộng là: Cá tra fillet, Cá tra cắt khoanh, Cá tra cắt miếng.



- **Bạch tuộc đông lạnh xuất khẩu:** Đây là mặt hàng nổi tiếng của Công ty trên thị trường Hàn Quốc, do nguồn nguyên liệu bị ảnh hưởng bởi thời tiết, mùa vụ nên Công ty giữ mức sản xuất ở mức 500 tấn/năm trong khi công suất tối đa có thể đạt

tới 1.000 tấn/năm. Các chủng loại sản phẩm Bạch tuộc xuất khẩu được thị trường ưa chuộng là: Bạch tuộc nguyên con làm sạch, Bạch tuộc cắt khúc.



- **Thủy sản khác:** Là mặt hàng phụ và chỉ sản xuất theo đơn đặt hàng lẻ. Các chủng loại theo yêu cầu riêng của khách hàng: Cá đuối cắt miếng, Mực làm sạch nguyên con hoặc Mực ống cắt khoanh.



- Sản lượng và giá trị sản phẩm thực hiện các năm qua như sau:

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

	SẢN PHẨM TIÊU THỤ	NĂM 2007 (*)			NĂM 2008 (*)			Quý I/2009		
		SẢN LƯỢNG (Kg)	DOANH THU	TỶ LỆ (%)	SẢN LƯỢNG (Kg)	DOANH THU	TỶ LỆ (%)	SẢN LƯỢNG (Kg)	DOANH THU	TỶ LỆ (%)
1	Cá tra	6.707.128	304.201	87,67	8.567.646	336.686	84,48	2.407.775	84.496	91,48
2	Bạch tuộc	1.090.777	40.917	11,79	460.611	18.551	4,66	39,552	1,126	1,22
3	Thủy, hải sản khác	17.500	861	0,25	91.224	4.350	1,09	-	-	-
4	Khác (phế liệu thu hồi...)	-	1.000	0,29	-	38.930	9,77	-	6,743	7,30
	Tổng cộng	7.815.405	346.979	100	9.119.481	398.517	100	2,447,327	92,365	100

(*) Số liệu đã kiểm toán

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Mekong



- Kim ngạch xuất khẩu của Công ty qua các năm: doanh thu xuất khẩu của Công ty chiếm phần lớn (trên 90%) trong tổng doanh thu, giá trị xuất khẩu qua các năm như sau:

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu của Công ty qua các năm

Đơn vị tính: USD

TT	SẢN PHẨM	NĂM 2007	NĂM 2008	Quý I/2009	KH2009
1	Cá tra đông lạnh	17.294.781,00	20.725.338,97	5.187.171,14	21.120.000
2	Bạch tuộc đông lạnh	2.544.865,00	1.154.605,68	63.744,36	1.770.000
3	Thủy sản khác	12.680,00	270.377,80	-	518.000
	Tổng cộng	19.852.326,00	22.150.322,45	5.250.915,50	23.408.000

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Mekong

- Cơ cấu lợi nhuận của Công ty theo nhóm sản phẩm:

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận trước thuế của Công ty qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	SẢN PHẨM	NĂM 2007(*)	TỶ LỆ (%)	NĂM 2008(*)	TỶ LỆ (%)	Quý I/2009	TỶ LỆ (%)
1	Cá tra đông lạnh	18.425,19	81,41	17.414,50	539,13	5.347,27	61,16
2	Bạch tuộc đông lạnh	3.020,00	13,34	(550,00)	(17,03)	(3,32)	(0,04)
3	Thủy sản khác	188,89	0,83	(1.023,00)	(31,67)	-	0,00
4	Khác (phế liệu thu hồi, HĐ tài chính...)	999,81	4,42	(12.611,40)	(390,43)	3.398,71	38,88
	Tổng cộng	22.633,89	100	3.230,10	100,00	8.742,66	100,00

(*) Số liệu đã kiểm toán

*Nguồn: Công ty CP Thủy sản Mekong***Thị trường xuất khẩu:**

- Theo định hướng kế hoạch thị năm 2009 đến năm 2011, công ty cổ phần Thủy Sản Mekong sẽ chế biến và xuất khẩu các mặt hàng chủ yếu truyền thống đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua là:

- Cá tra đông lạnh (nhiều dạng).
- Bạch tuộc đông lạnh.
- Thủy sản khác đông lạnh (Mực).

* Đối với mặt hàng Cá tra:

- Tốc độ phát triển xuất khẩu tăng bình quân trên 10%/năm.



- Thị trường xuất khẩu chủ yếu vào EU (Năm 2008 thị trường EU chiếm 78% thị phần), Nga, Úc. Công ty tiếp tục phát triển thêm thị trường xuất khẩu ở Châu Phi (Ai Cập), Trung Đông, Châu Mỹ La Tinh (Mexico, Brazil, ...), Ukraina và Singapore.
- Vào những năm 2002 – 2003, công ty đã xuất khẩu cá tra fillet vào thị trường Hoa Kỳ (thị phần bình quân dưới 10%). Do phía Hoa Kỳ áp dụng mức thuế chống bán phá giá với biên độ cao đối với mặt hàng Cá tra, Basa của Việt Nam nên công ty đã ngừng xuất khẩu vào thị trường này từ thời điểm Bộ Thương Mại Hoa Kỳ ra quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá. Nhờ qua sự kiện này, sản phẩm Cá tra Basa của Việt Nam có tiếng vang trên thị trường thế giới.
- Từ đó, công ty cổ phần Thủy Sản Mekong đã phát triển mạnh xuất khẩu sang thị trường EU và một số quốc gia khác. Do vậy việc giảm doanh thu từ thị trường Mỹ do áp dụng thuế chống phá giá không làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của công ty khi áp dụng thuế này từ năm 2003 cho tới nay. Doanh số và lợi nhuận của công ty vẫn bình thường.
- Như vậy, dù Hoa Kỳ vẫn tiếp tục áp dụng thuế chống phá giá thêm 05 năm nữa với biên độ rất cao từ 26,84% đến 63,88%, công ty vẫn tiếp tục không xuất khẩu sản phẩm Cá tra sang thị trường Hoa Kỳ vì đã có thị trường xuất khẩu ổn định ở EU, một số quốc gia, vùng lãnh thổ như đã nêu trên và còn đang phát triển thêm thị trường mới. Hiện tại công ty có tên trong 10 doanh nghiệp được phép xuất khẩu Cá tra sang thị trường Nga, là thị trường có số lượng tiêu thụ lớn và ổn định. Hứa hẹn trong năm 2009 và những năm tiếp theo doanh số cũng như lợi nhuận của công ty sẽ tăng do nhu cầu phát triển của thị trường này.

** Đối với mặt hàng Bạch tuộc, Thủy sản khác:*

- Cơ cấu các mặt hàng này chỉ chiếm dưới 8% trên tổng sản lượng xuất khẩu của công ty.
- Nguồn nguyên liệu không ổn định do lệ thuộc vào đánh bắt ở biển khơi và ngày càng khan hiếm.
- Hiện nay công ty vẫn còn một số khách hàng truyền thống ở Tây Ban Nha và Hàn Quốc. Tùy theo tình hình huy động nguyên liệu, giá đầu vào, giá xuất khẩu, công ty sẽ triển khai kế hoạch ngắn hạn cụ thể theo từng thời vụ trong năm. Và nếu kinh doanh mặt hàng này chưa có hiệu quả thì công ty sẽ tăng cường hoạt động mặt hàng Cá tra để đạt tối ưu hóa lợi nhuận.



6.2. Nguyên vật liệu

6.2.1. Nguồn nguyên vật liệu và sự ổn định của các nguồn cung cấp

a. Cá tra

Vị trí nhà máy chế biến Cá tra của Công ty nằm rất gần các vùng nuôi thả cá nên rất thuận lợi trong khâu thu mua cá nguyên liệu phục vụ cho việc sản xuất của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang phát triển khu nuôi cá tra riêng ở tỉnh Vĩnh Long, cách vị trí nhà máy khoảng 18 Km. Dưới đây là các vùng nuôi cá được Công ty thu mua cá nguyên liệu quanh năm:

- Khu vực TP Cần Thơ :
 - + Thốt nốt: Cự ly bình quân 30 Km.
 - + Ô Môn: Cự ly bình quân 20 Km.
 - + Cần Thơ: Cự ly bình quân 10 Km.
- Khu vực tỉnh An Giang: Cự ly bình quân 60 Km.
- Khu vực tỉnh Trà Vinh: Cự ly bình quân 60 Km.
- Khu vực tỉnh Đồng Tháp: Cự ly bình quân 60 Km.
- Khu vực tỉnh Sóc Trăng: Cự ly bình quân 30 Km.
- Khu vực tỉnh Hậu Giang: Cự ly bình quân 40 Km.
- Khu vực tỉnh Vĩnh Long: Cự ly bình quân 30 Km (trong đó có khu nuôi cá tra của Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong có cự ly 18 Km từ trụ sở Công ty).

Hiện nay, khoảng 90% nguyên liệu cá tra do Công ty thu mua thông qua các thành viên Câu lạc bộ nuôi cá sạch của Công ty (đây là những hộ nông dân nuôi cá tra từ con giống tốt, thức ăn công nghiệp, sử dụng thuốc thú y được phép lưu hành trên thị trường và có kiểm kháng sinh, dịch bệnh định kỳ). Câu lạc bộ này đã có quá trình gắn bó mật thiết với Công ty, được Công ty hỗ trợ về kỹ thuật và vốn khi cần thiết. Kể từ năm 2010 trở đi, nguồn nguyên liệu cá tra thu mua từ nông dân, thành viên câu lạc bộ càng lúc càng giảm do công ty phát triển vùng nguyên liệu tự nuôi mỗi năm mỗi tăng dần để đạt mức từ 30-40% nguyên liệu tự cung.

Mặt khác, do nguyên liệu chiếm tỷ trọng trên 80% giá thành sản phẩm nên để chủ động hơn trong nguồn nguyên liệu, Công ty đã có kế hoạch đầu tư vùng nguyên liệu riêng của Công ty ở huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long (diện tích 15 ha, cách nhà máy chế biến cá của Công ty khoảng 18 Km) (*Chi tiết của dự án xem ở phần Kế hoạch đầu tư trong tương lai*). Trong năm 2009, dự kiến vùng nuôi này có khả năng cung cấp trên 2.000 tấn cá nguyên liệu, cung cấp khoảng 10% nguồn nguyên liệu sản xuất cho Công ty. Sau đó, Công ty sẽ tiếp tục phát triển vùng nuôi này lên đến diện tích trên 30 ha. Song song đó, Công ty tiếp tục đẩy mạnh mô hình hợp tác với người nuôi thông qua Câu lạc bộ sản xuất cá sạch của Công ty.



Như vậy, kể từ năm 2009 nguồn cung cấp nguyên liệu cho Công ty có tính ổn định.

b. Bạch tuộc và thủy sản khác (Mực, cá đuối, v.v...)

Vùng nguyên liệu đối với các chủng loại sản phẩm này chủ yếu ở Kiên Giang với cự ly cách Công ty khoảng 110 Km. Hiện nay Công ty chưa đặt trạm thu mua tại vùng nguyên liệu nên nguyên liệu đánh bắt từ biển về sẽ được các đại lý nguyên liệu tập trung và vận chuyển đến Công ty.

Vì những lý do trên nên nguồn nguyên liệu còn lệ thuộc vào tình hình thời tiết (biến động, mưa bão...), mùa vụ và nguồn hàng ở trong tay chủ phương tiện đánh bắt thủy sản và đại lý thu mua nguyên liệu. Để có được nguồn cung cấp nguyên liệu về lâu dài, Công ty đang cân nhắc để chọn lọc từ 2 đến 3 đại lý đối tác cùng góp vốn với Công ty để huy động nguyên liệu.

c. Bao bì, vật liệu

Bao bì và các vật liệu mà Công ty sử dụng trong sản xuất kinh doanh đều là bao bì carton, túi PE, dây nẹp nhựa, thẻ nhãn bằng giấy. Tất cả bao bì, vật liệu này rất dễ huy động vì các nhà máy sản xuất đều nằm tại thành phố Cần Thơ. Đối với một số bao bì đặc biệt, Công ty sẽ được cung cấp bởi các Công ty bao bì tại thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty cũng đang dự tính đầu tư một xí nghiệp bao bì để đảm bảo tính chủ động hơn cho nhu cầu sử dụng của Công ty. Hiện tại Công ty đang trong quá trình xem xét để đưa ra phương án đầu tư cụ thể trong thời gian tới.

Nhìn chung, nguồn cung cấp bao bì, vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã và đang có tính ổn định tốt.

6.2.2. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu, lợi nhuận:

Trong ngành chế biến thủy sản hiện nay, chi phí nguyên liệu chính chiếm khoảng 80%-82% giá thành, vật tư bao bì chiếm khoảng 4%-5% giá thành. Như vậy, đây là những yếu tố chính ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Trong năm qua, sự biến động tăng, giảm giá nguyên liệu thường có tính chu kỳ, năm trước giá tăng thì mùa sau giá nguyên liệu lại thường giảm xuống. Điều này là do khi giá nguyên liệu tăng thì người dân sẽ tập trung nuôi cá nhiều hơn, dẫn đến tình trạng vào vụ mùa nguồn cung nguyên liệu cao hơn so với nhu cầu khiến nguyên liệu rớt giá. Ngược lại, khi giá cá xuống thấp, người dân có xu hướng nuôi cá ít lại, dẫn đến việc vụ mùa sau nguồn cung nguyên liệu sẽ giảm so với nhu cầu của các công ty thủy sản nên giá cá lại tăng cao. Khi giá nguyên liệu biến động tăng liên tục, giá thành sản phẩm bình quân sản phẩm cũng tăng lên trong khi giá bán của Công ty không thể điều chỉnh ngay được. Trước tình hình trên, Công ty có những biện pháp cấp bách như: quản lý thật chặt mức tiêu hao nguyên liệu, chọn lựa để mua nguyên liệu đạt chuẩn hơn về qui cách, cỡ cá... hoặc khi cần thiết có thể giảm lại sản lượng sản xuất và đàm phán với khách hàng về việc kéo dài thời gian giao hàng hoặc điều chỉnh giá.



Đồng thời, để đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, Công ty đã thành lập đội thu mua chủ lực, bám sát địa bàn và giá cả từng ngày, biết vận dụng sách lược giá, thời vụ để tạo nguồn hàng dự trữ sẵn sàng đáp ứng cho thị trường khi giá xuất khẩu tăng cao. Mặt khác, Công ty đang tổ chức khu tự chăn nuôi để tạo nguồn ổn định và giá đầu vào hạ thấp để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn.

6.3. Chi phí sản xuất

Hiện nay chi phí sản xuất của Công ty đã từng bước được hợp lý hóa và đã giúp tạo ra những sản phẩm có tính cạnh tranh cao, nhờ vào các yếu tố sau:

- Nguồn nguyên liệu tập trung gần khu vực Công ty hoạt động nên chi phí vận chuyển tương đối thấp. Bên cạnh đó, Công ty có nguồn cung ứng nguyên liệu chính là cá tra có tính ổn định cao, Công ty lại có quan hệ mật thiết, lâu năm với nhà cung cấp nên chi phí thu mua cũng được hạn chế đáng kể.
- Công ty áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn HACCP từ năm 2002 và theo tiêu chuẩn quản lý ISO 9001 : 2000 từ năm 2004. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang xây dựng các tiêu chuẩn sản xuất sạch, nuôi sạch (SQF 1000, SQF 2000) và sẽ áp dụng trong năm 2009, nên sản phẩm đạt yêu cầu cao về chất lượng, giảm thiểu rủi ro hàng bán không được chấp nhận.
- Công nhân chế biến có đủ kinh nghiệm và tay nghề để có thể sản xuất đồng thời nhiều mặt hàng như cá tra, bạch tuộc, mực .v.v... góp phần giảm chi phí nhân công và tăng hiệu quả trong sản xuất.
- Trang thiết bị đã nâng cấp và đầu tư theo công nghệ tiên tiến, làm tăng hiệu quả kinh tế hơn, cụ thể như:
 - Năm 2002, Công ty đã nâng cấp 03 tủ đông, rút ngắn thời gian chạy tủ nhằm tăng hiệu suất hoạt động của thiết bị.
 - Năm 2005, đầu tư mới 01 băng chuyền đông IQF.
 - Năm 2006, cải tạo và nâng cấp 04 kho lạnh làm giảm tiêu hao điện năng, nâng công suất lạnh, làm tiết kiệm chi phí trong sản xuất.
 - Cuối năm 2007, đầu tư mới thêm 02 băng chuyền đông IQF công suất 500kg/giờ với thiết bị hiện đại (Mycom) nhập mới từ Nhật Bản.
 - Năm 2009, đầu tư mới 02 băng chuyền IQF hiện đại và xây dựng thêm kho lạnh 2.500 tấn (các băng chuyền này không những sử dụng điện năng ít mà còn làm tăng công suất và góp phần giúp chất lượng sản phẩm đạt chuẩn cao hơn)

Bảng 7: Chi phí sản xuất theo nhóm sản phẩm

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

STT	SẢN PHẨM	NĂM 2007	NĂM 2008	Q1/2009
-----	----------	----------	----------	---------



		GIÁ TRỊ	TỶ LỆ	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ
1	Cá tra	290.002,80	94,92%	312.915,65	94,70%	75.259,38	99,48%
2	Bạch tuộc	13.895,83	4,55%	13.954,06	4,22%	390,18	0,52%
3	Thủy sản khác	1,638,03	0,54%	3.557,07	1,08%	-	-
	Tổng cộng	305.536,66	100,00%	330.426,78	100,00%	75.649,56	100,00%

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Mekong

Bảng 8: Cơ cấu chi phí theo yếu tố

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

TT	YẾU TỐ CHI PHÍ	NĂM 2007 (*)		NĂM 2008 (*)		Quý I/2009	
		GIÁ TRỊ	% DOANH THU	GIÁ TRỊ	% DOANH THU	GIÁ TRỊ	% DOANH THU
1	Giá vốn hàng bán	305.536,67	88,06	330.426,78	78,03	75.649,56	76,48%
2	Chi phí tài chính	2.584,70	0,74	48.396,24	11,43	3.623,64	3,66%
3	Chi phí bán hàng	22.836,04	6,58	35.100,64	8,29	9.063,75	9,16%
4	Chi phí QLDN	5.788,63	1,67	8.098,97	1,91	2.169,42	2,19%
5	Chi phí khác	200,99	0,06	14,88	0,004	28,82	0,03%
	Tổng chi phí	336.947,03	97,11	422.037,51	99,67	90.535,19	91,53%

(*) Số liệu đã kiểm toán

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Mekong

6.4. Trình độ công nghệ

Ngoài một số thiết bị với công nghệ cũ nhưng đã nâng cấp và cải tiến, Công ty cũng đang đầu tư thêm thiết bị theo công nghệ mới hiện đại góp phần tiết kiệm năng lượng, gia tăng công suất, giảm tỷ lệ hao hụt và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Danh mục trang thiết bị chủ yếu hiện có và đang lắp đặt mới vào năm 2009 của Công ty:

TT	THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	CÔNG SUẤT	XUẤT XỨ
1	Máy lạnh:			
	• Mycom N62 B	8	90 Kw/h	Nhật
	• Mycom N42 B	2	75 Kw/h	Nhật
	• Sanyo	1	15 Kw/h	Nhật
	• SabRoe	2	90 Kw/h	Đan Mạch
	• Mitsubishi	1	37 Kw/h	Nhật

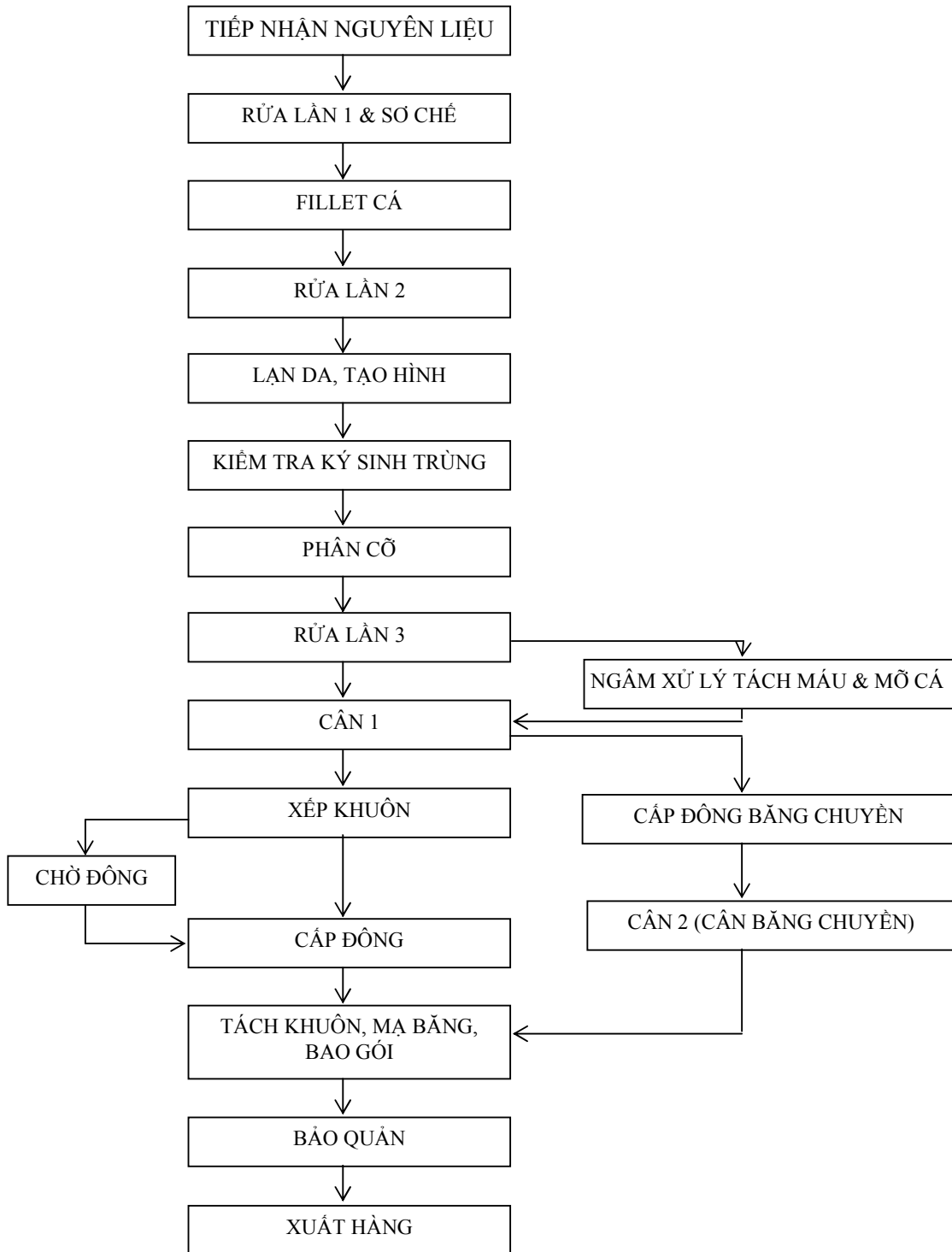


TT	THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	CÔNG SUẤT	XUẤT XỨ
•	Mycom N8 A	1	45 Kw/h	Nhật
•	Mycom N4 B	1	75 Kw/h	Nhật
•	Mycom N62 WA	2	37 Kw/h	Nhật
•	Mitsubishi	1	75 Kw/h	Nhật
•	Sanyo	1	15 HP	Nhật
2	Tủ đông			
•	Loại tiếp xúc (Contact Freezer)	3	1 tấn	Nhật
•	Sanyo	1	20HP	Nhật
•	Trục vít Mycom N2520	2	250Kw/h	Nhật
•	Trục vít FuSheng SR 434	1	63Kw/h	Đài Loan
•	Loại tiếp xúc (Loại nhỏ)	1	0,5 tấn	Việt Nam
3	Băng chuyên đông IQF	5	0,5 tấn/h/cái	Việt Nam
4	Cối sản xuất đá vẩy	3	40 tấn/ngày/cái	Việt Nam
5	Hệ thống kho lạnh			
•	Kho lạnh 2.500 tấn	1	2.500 tấn	Việt Nam
•	Kho lạnh 1.000 tấn	1	1.000 tấn	Việt Nam
•	Kho lạnh 100 tấn	4	100 tấn	Nhật
•	Kho chờ đông 20 tấn	1	20 tấn	Việt Nam
6	Trạm biến thế 22.000 ^V / 380 ^V / 220 ^V	1	2.000 KVA	Việt Nam
7	Trạm biến thế 22.000 ^V / 380 ^V / 220 ^V	1	1.000 KVA	Việt Nam
8	Máy phát điện dự phòng	1	500 KVA	Anh Quốc
9	Hệ thống xử lý nước đưa vào chế biến (nước lọc và thanh trùng)	2	10 m ³ / giờ	Việt Nam
10	Hệ thống xử lý nước đưa vào chế biến (nước lọc và thanh trùng)	1	20 m ³ / giờ	Việt Nam
11	Hệ thống xử lý nước thải	1	500 m ³ / ngày	Việt Nam
12	Hệ thống điều hòa không khí trong phân xưởng chế biến	2	150HP	Việt Nam
13	Hệ thống camera quan sát	1	13 đầu quan sát	Việt Nam
14	Hệ thống PCCC	1	14 tủ	Việt Nam
15	Phòng kiểm nghiệm	1	Kiểm vi sinh	Việt Nam
16	Máy rà kim loại	1	0,1 mm	Nhật
17	Máy mạ băng	1	2 HP	Việt Nam



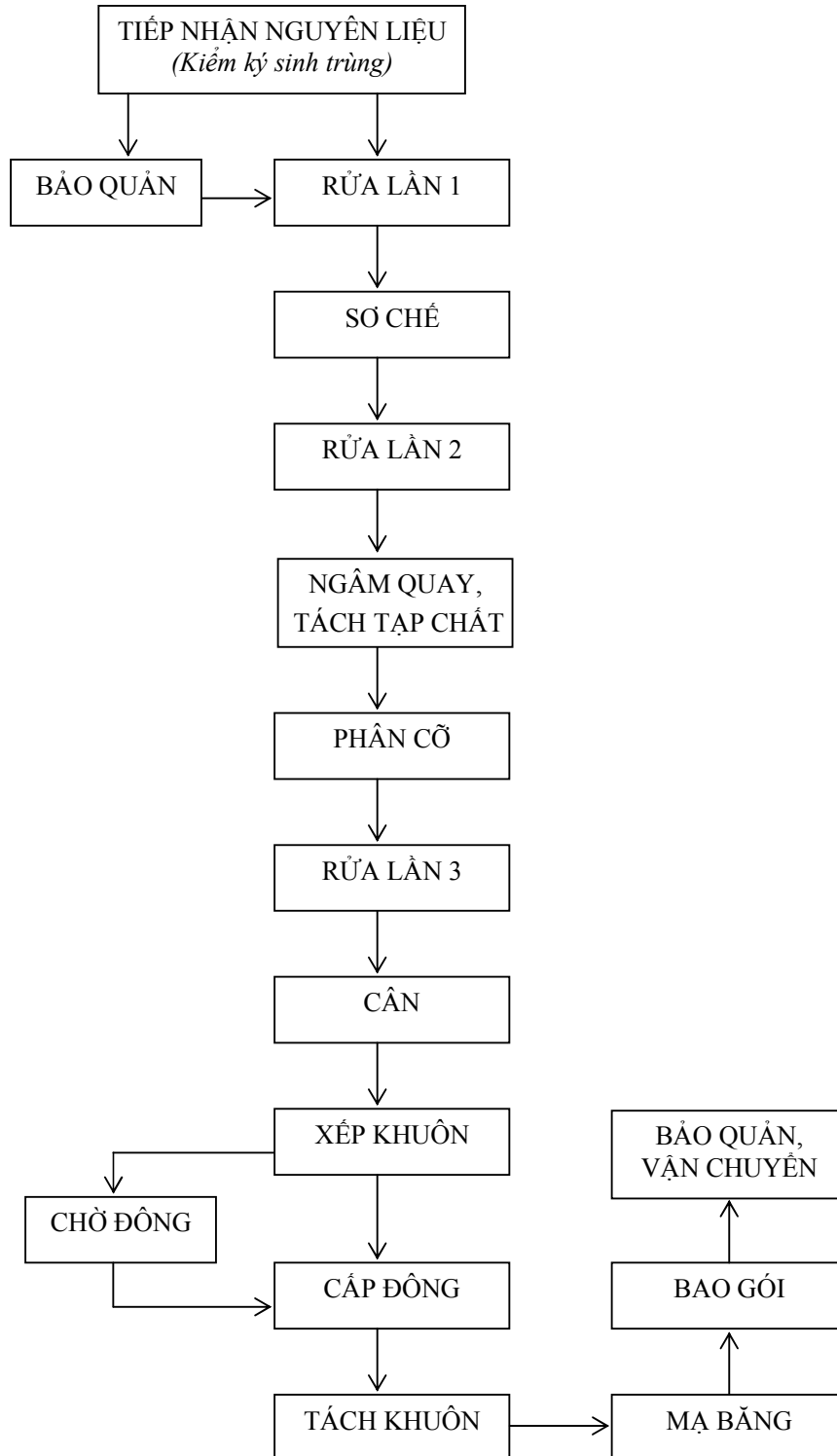
TT	THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	CÔNG SUẤT	XUẤT XỨ
18	Máy ép mí hút chân không	3	150 lít / phút	Việt Nam
19	Máy ép mí hút chân không	2	300 lít / phút	Nhật
20	Hệ thống máy hút cá nguyên liệu từ ghe lên phân xưởng chế biến.	1	150 tấn/8giờ	Việt Nam

↪ Quy trình sản xuất cá tra, cá basa đông lạnh hiện tại ở Công ty:



Hình 3: Sơ đồ quy trình sản xuất cá tra, các basa đông lạnh của Công ty

↪ Quy trình sản xuất Bạch tuộc đông lạnh của Công ty:



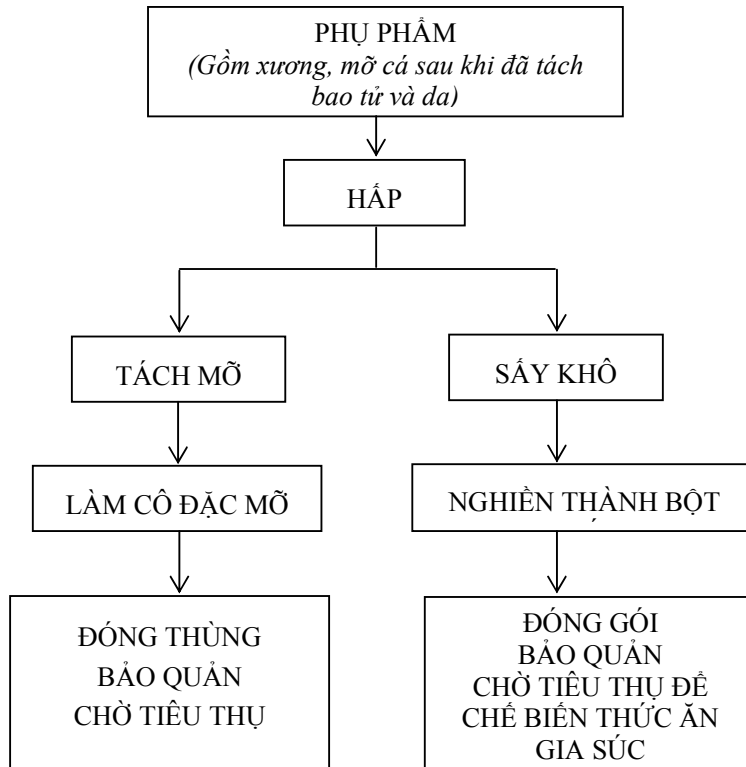
Hình 4: Sơ đồ quy trình sản xuất Bạch tuộc đông lạnh của Công ty

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trong quy trình chế biến cá tra xuất khẩu, phân xưởng chế biến cá fillet đông lạnh thường loại ra cá không đạt chuẩn như cá nhỏ, cá quá lớn hoặc các phụ phẩm từ cá tra fillet như thịt vụn, thịt đỏ.v.v... để bán phụ phẩm, điều này không đem lại hiệu quả cao cho Công ty. Do đó, Công ty đã nghiên cứu và sản xuất thành công một số sản phẩm mới tận dụng từ các dạng phế liệu, phụ phẩm trên để đưa vào siêu thị chào bán phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa như sau:

TT	TÊN SẢN PHẨM	QUY CÁCH, BAO BÌ, ĐÓNG GÓI
1	Chả cá Basa / Tra tẩm gia vị đông lạnh	300 gr / gói (Túi PE)
2	Cá tơ hồng đông lạnh	Chả cá tẩm bột xù bánh mì để vào khay xếp 250 gr / khay
3	Hoành thánh Basa	300 gr / khay
4	Cá hoàng bào đông lạnh	Xuyên que tre, xếp vào khay 250 gr
5	Sandwich chả cá Basa	300 gr / khay
6	Chả giò Basa	250 gr / khay

↪ Quy trình chế biến phụ phẩm của Công ty:



Hình 5: Sơ đồ quy trình chế biến phụ phẩm của Công ty



Dự kiến trong năm 2009, Công ty sẽ thành lập tổ nghiên cứu mặt hàng mới để nghiên cứu và đưa vào chế biến thêm các mặt hàng cá giá trị gia tăng xuất khẩu như: Cá tra tẩm bột; Cá tra tẩm gia vị các loại.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Cùng với yêu cầu về chất lượng các sản phẩm thủy sản ngày càng cao, Công ty đã từng bước xây dựng và triển khai quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm chặt chẽ với việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế như: HACCP, GMP, SSOP do Cục Quản Lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y Thủy sản (Nafiqaved) cấp từ tháng 07/2003, ISO 9001:2000 do Công ty SGS và TUV cấp vào tháng 06/2004.

Công ty có xây dựng phòng quản lý chất lượng (KCS) với số lượng 15 CB-CNV, trong đó 10 người có bằng đại học và 05 người trung cấp. Đồng thời, Công ty cũng đã tổ chức bộ phận kiểm nghiệm (Laboratory) ngay tại Công ty để kiểm các chỉ tiêu vi sinh bao gồm: kiểm tra chất lượng nước để phục vụ chế biến; kiểm tra vi sinh nguyên liệu bán thành phẩm trên dây chuyền sản xuất; kiểm tra vệ sinh công nghiệp. Bộ phận kiểm nghiệm này được bố trí trong cùng phòng KCS, tạo sự thuận tiện trong việc trao đổi, kết hợp thông tin. Sản phẩm đã qua kiểm tra vi sinh sau đó sẽ được Cơ quan quản lý chất lượng chọn mẫu và kiểm định tiêu chuẩn trước khi được xuất khẩu.

6.7. Hoạt động marketing

Hoạt động kinh doanh trong khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long cùng với nhiều đối thủ cạnh tranh mạnh khác hoạt động trong cùng lĩnh vực, MEKONGFISH luôn xem hoạt động marketing là yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển thương hiệu nói riêng và phát triển kinh doanh nói chung của Công ty. Các hoạt động marketing, quảng bá thương hiệu của Công ty được thực hiện qua các hình thức sau:

- Tổ chức bộ phận chuyên trách Marketing tại Công ty.
- Xây dựng, quảng bá thương hiệu trên mạng và trên hệ thống thông tin khác.
- Phối hợp chặt với Hiệp hội Thủy sản Việt Nam (VASEP) để tham gia các hội chợ thủy sản ở Bỉ và hội chợ VietFish ở Việt Nam hàng năm.
- Phối hợp với Sở Công Thương TP.Cần Thơ, phòng Thương mại Việt Nam để tham gia các chương trình xúc tiến thương mại ở nước ngoài.

6.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- ▲ Thương hiệu đăng ký: MEKONGFISH
- ▲ Logo Công ty:





Logo của Công ty đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa độc quyền tại Cục Sở hữu Công nghiệp Việt Nam.

- Ý nghĩa của Logo: Hình tam giác bên ngoài tượng trưng cho đỉnh cao của chất lượng và sự không ngừng nâng cao thỏa mãn nhu cầu của khách hàng; dòng chữ MFC là tên viết tắt của Công ty, màu đỏ của chữ tượng trưng cho sự quyết thắng trên thương trường. Hình con cá basa, cá tra đang lội trên dòng nước sông Mekong tượng trưng cho nguồn gốc sản phẩm chính của Công ty. Chữ VIETNAM bên góc phải thể hiện xuất xứ của sản phẩm. Bên góc trái là chữ số DL 183, đây là EU Code của Công ty được Bộ Thủy Sản (cũ) cấp để được phép xuất khẩu sang thị trường Châu Âu và chữ ® cho biết thương hiệu sản phẩm của Công ty đã được đăng ký bảo hộ.
- Nguồn gốc thương hiệu: Công ty tự thiết kế.
- Thời gian bảo hộ: 10 năm tính từ ngày 20 tháng 04 năm 2006.
- Số, ngày, tổ chức cấp giấy chứng nhận: GCN Đăng ký số 71507 do tại Cục Sở hữu Trí tuệ cấp ngày 20 tháng 04 năm 2006.
- Sản phẩm dịch vụ đi kèm: Sản phẩm thủy hải sản sơ chế, đông lạnh và đã qua chế biến.

6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 9: Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

TT	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ HỢP ĐỒNG	NỘI DUNG	SẢN PHẨM	TRỊ GIÁ (USD)	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Kvibo D.O.O (Slovenia)	MK-24/09	Bán thủy sản	Cá tra	57.213	Quý 2/2009
2	Monton S.R.O (Đức)	MK/MOL-06/09	Bán thủy sản	Cá tra	50.255	Quý 2/2009
3	Mercatil De Alimentos (Mexico)	MK 25/09	Bán thủy sản	Cá tra	64.350	Quý 2/2009
4	Pin Corporation (Singapore)	MK/Pin 01/09	Bán thủy sản	Cá tra	20.370	Quý 2/2009
5	Affish B.V (Bi)	MK/AFF-01/09	Bán thủy sản	Cá tra	22.800	Quý 2/2009
6	Continental Food (UEA)	CFP/024/09	Bán thủy sản	Cá tra	56.250	Quý 2/2009
7	Krusta Group S.A.U (Tây Ban Nha)	MK/KRUS-01/09	Bán thủy sản	Cá tra	51.750	Quý 2/2009
8	Krusta Group S.A.U (Tây Ban Nha)	MK/KRUS-02/09	Bán thủy sản	Cá tra	50.525	Quý 2/2009
9	Montol S.R.O (Đức)	MK/MOL-09/09	Bán thủy sản	Cá tra	42.145	Quý 2/2009
10	Sea World Distribution (Ý)	MK/22/09	Bán thủy sản	Cá tra	48.760	Quý 2/2009
11	Nautic Seafood A/S (Đan Mạch)	MK/NT-01/09	Bán thủy sản	Cá tra	23.900	Quý 2/2009
12	Confremar S.A (Tây Ban Nha)	MK/CON-03/09	Bán thủy sản	Cá tra	53.130	Quý 2/2009
13	Continental Food (UEA)	CFP/034/09	Bán thủy sản	Cá tra	56.250	Quý 2/2009
14	Interalantic (Tây Ban Nha)	MK/INT 002-09	Bán thủy sản	Cá tra	58.500	Quý 2/2009
15	Interalantic (Tây Ban Nha)	MK/INT 003-09	Bán thủy sản	Cá tra	58.500	Quý 2/2009
16	Pescagel Group SPA (Ý)	MK 30/09	Bán thủy sản	Cá tra	52.875	Quý 2/2009
17	Molton S.R.O (Đức)	MK/MOL 10/09	Bán thủy sản	Cá tra	37.130	Quý 2/2009
18	Indian Ocean (Mauritius)	MK/IND-01/09	Bán thủy sản	Cá tra	27.150	Quý 2/2009



19	Encarnacion (Tây Ban Nha)	MK/09B/09	Bán thủy sản	Cá tra	311.080	Quý 2,3/2009
20	Weerstand Trading (Hà Lan)	MK/WS-04/09	Bán thủy sản	Cá tra	59.800	Quý 2/2009
21	Singapore Food	MK/SFI 02	Bán thủy sản	Cá tra	52.800	Quý 2/2009
22	Akra (Nga)	MK/AKRA-01	Bán thủy sản	Cá tra	2.268.000	Quý 2,3,4/2009
23	Russian Fish (Nga)	MK/VT-001	Bán thủy sản	Cá tra	3.402.000	Quý 2,3,4/2009
TỔNG CỘNG					6.925.533	

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Mekong

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các năm gần đây.

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm gần đây:

Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2007 (*)	NĂM 2008 (*)	% tăng / (giảm) so với 2007	Quý I/2009
1	Tổng giá trị tài sản	311.103,02	300.654,88	(3,36%)	342.693,65
2	Doanh thu thuần	346.979,03	398.517,11	14,85%	92.365,01
3	LN thuần từ HĐKD	13.692,74	1.430,12	(89,56%)	8.409,05
4	Lợi nhuận khác	8.941,15	1.799,98	(79,87%)	333,60
5	Lợi nhuận trước thuế	22.633,89	3.230,10	(85,73%)	8.742,66
6	Lợi nhuận sau thuế	20.963,01	2.406,26	(88,52%)	8.086,96
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	57,25%	740,57%	1193,57%	

(*) Số liệu đã kiểm toán

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Mekong

- Lợi nhuận sau thuế năm 2007 của Công ty vẫn đảm bảo mức tăng trưởng 13,78% do công ty đã quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí và vận dụng thời cơ giá nguyên liệu phù hợp để dự trữ hàng hóa chờ bán khi có giá xuất khẩu phù hợp.
- Tình hình kinh tế khủng hoảng làm ảnh hưởng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty khiến cho doanh thu năm 2008 chỉ tăng 14,85% so với năm 2007 và lợi nhuận năm 2008 chỉ đạt 14,27% so với năm 2007 do công ty phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn 46,79 tỷ đồng.



- Năm 2008, Công ty đã tạm ứng cổ tức 22%/mệnh giá cho cổ đông. Tuy nhiên sau khi trích lập Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn 46,79 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế cả năm 2008 chỉ còn 2,4 tỷ đồng, do đó không đủ để chi quyết toán cho khoản tạm ứng cổ tức 2008 là 22%. Theo Biên bản Đại hội cổ đông thường niên năm 2008 của Mekongfish ngày 25-04-2009 thì phần cổ tức 22% tạm ứng cho năm 2008 sẽ được xử lý như sau:
 - o Tổng số tiền đã tạm ứng cổ tức cho cổ đông năm 2008 (22%/mệnh giá): 17,82 tỷ đồng. Trong đó:
 - 9,01 tỷ đồng sẽ dùng nguồn Lợi nhuận giữ lại 2007 và 2008 để bù đắp
 - 8,81 tỷ đồng còn lại sẽ được trích từ lợi nhuận năm 2009 để quyết toán
- Đến cuối Quý I/2009, Công ty cũng đã đạt được kết quả hoạt động kinh doanh tương đối tốt, và nhìn chung phù hợp so với kế hoạch kinh doanh của cả năm 2009 (Lợi nhuận sau thuế Quý I/2009 đạt 32% kế hoạch cả năm 2009).

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

❖ Những nhân tố thuận lợi:

- Nằm ở vị trí thuận lợi: sát đường quốc lộ, có đường sông ngay cạnh nhà máy và cách cảng Cần Thơ khoảng 2 km. Đồng thời, vị trí của công ty ở ngay trong vùng nguyên liệu cá tra (trong bán kính 30km) nên rất thuận lợi trong việc thu mua nguyên liệu, nuôi trồng hải sản và xuất khẩu hàng hóa.
- Được giảm 50% trên tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp với mức thuế suất là 15% từ ngày 01/01/2004 đến 31/12/2010 và nhiều ưu đãi về thuế phải nộp khác.
- Thị trường xuất khẩu ổn định, công ty đã có trên 40 khách hàng ở nhiều nước và vùng lãnh thổ.
- Công ty đã nâng cấp nhà xưởng và đầu tư trang thiết bị mới (như xây dựng kho lạnh mới 1.000 tấn, kho lạnh 2.500 tấn, đầu tư băng chuyền IQF, ...) nên đã gia tăng tổng công suất sản xuất từ 6.977 tấn năm 2006 lên trên 9.000 tấn như hiện nay.
- Nguồn nhân lực đã qua đào tạo và có tay nghề, có lực lượng kế thừa đảm bảo cho sự hoạt động tốt cho công ty trong mọi tình huống khó khăn.
- Công ty đã áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế như: ISO 9001: 2000 từ năm 2004, HACCP từ năm 2002 và đơn vị được Code xuất khẩu sang EU (số DL 183).
- Uy tín thương hiệu ngày càng cao với tình hình tài chính lành mạnh và sản phẩm có chất lượng ngày càng tốt nên được Bộ Thương Mại cấp Bằng khen về doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2006, 2007.



❖ **Một số khó khăn:**

- Cạnh tranh trong ngành nghề: Trong các năm 2007, 2008 với sự phát triển ồ ạt các công ty chế biến thủy sản trong khu vực, tình hình cạnh tranh ngày càng gia tăng trong khâu thu mua nguyên liệu, định giá xuất khẩu và tìm khách hàng trong khu vực hoạt động của Công ty.
- Các trang thiết bị hiện đại tuy đã được đầu tư liên tục trong các năm qua nhưng vẫn chưa được nhiều, nên trong sản xuất vẫn có lúc thiếu sản lượng, giao hàng chậm trễ, vẫn còn nhiều mẫu mã hàng hóa chưa đạt yêu cầu.
- Nguồn nguyên liệu lệ thuộc vào dân nhiều do khu nuôi trồng thủy sản riêng diện tích còn hạn hẹp. Hải sản (bạch tuộc) thì còn lệ thuộc vào thời tiết, vụ mùa nên sản lượng khó đưa lên cao so với yêu cầu của thị trường.
- Các nước nhập khẩu thủy sản đặc biệt là EU thường xuyên thay đổi về quy cách sản phẩm, kiểm tra chất lượng kháng sinh, hóa chất kháng khuẩn, tạo ra rào cản kỹ thuật ngày càng cao cho ngành chế biến thủy sản, thị trường Nga còn khó khăn trong khâu thanh toán và thị trường Mỹ vẫn còn hậu quả do thuế chống bán phá giá quá cao.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện nay, số lượng Công ty chế biến cá tra đông lạnh xuất khẩu trong vùng có xu hướng ngày càng tăng và dự kiến đến cuối năm 2009 con số này sẽ tăng nhiều hơn nữa. Ý thức được vị thế của Công ty trong môi trường có nhiều cạnh tranh trong khâu nguyên liệu, nhân lực và thị trường, Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong không ngừng nỗ lực và đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch liên tục trong các năm qua và đạt mức phát triển bình quân trên 10%/năm.

Theo thống kê của công ty căn cứ vào kim ngạch xuất khẩu trong quý I năm 2009 của Hiệp Hội Chế Biến và Xuất khẩu Thủy Sản Việt Nam, Công ty đứng ở vị trí 15 trong số 168 Công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến thủy sản hiện nay. Sang giai đoạn 2009 - 2010, Công ty sẽ tăng cường đầu tư để mở rộng vùng nuôi cá sạch ổn định, đồng thời mở rộng nhà máy chế biến cá tra hiện hữu để nâng công suất lên từ 130 tấn đến 150 tấn nguyên liệu/ngày. Lúc đó, vị thế Công ty sẽ được nâng cao hơn và phần đầu nằm trong nhóm 10 Công ty sản xuất và xuất khẩu cá tra hàng đầu của Việt Nam.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Từ năm 1981, thủy sản là ngành kinh tế đầu tiên được Chính phủ Việt Nam cho phép vận dụng cơ chế kinh tế thị trường trong sản xuất và kinh doanh. Đặc biệt là từ năm 1986, khi chính sách đổi mới của Đảng được thực hiện trong cả nước thì thị trường xuất khẩu thủy sản được mở rộng và tăng trưởng với tốc độ nhanh, mở đường cho quá trình chuyển đổi cơ cấu trong sản xuất công nghiệp và khai thác đánh bắt, chăn nuôi. Đặc biệt, trong Quý I/2009 Thủ Tướng Chính phủ Việt Nam tuyên bố mặt hàng Cá tra là sản phẩm chiến lược của quốc gia, cùng lúc



thị trường Nga tiếp tục phát triển mạnh nên triển vọng ngành chăn nuôi, chế biến và xuất khẩu Cá tra sẽ trở thành mũi nhọn của nền kinh tế Việt Nam.

Theo thông tin từ Hiệp Hội Chế Biến và Xuất Khẩu Thủy Sản Việt Nam (VASEP), hiện nay mặt hàng thủy sản Việt Nam có mặt tại gần 100 nước và vùng lãnh thổ. Cả nước có trên 439 nhà máy chế biến thủy sản, trong đó dự kiến đến cuối năm 2009 nhà máy chế biến cá tra, basa sẽ còn phát triển nhiều hơn nữa.

Theo kế hoạch của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) đến năm 2010, kim ngạch xuất khẩu dự kiến đạt 4 tỷ USD, đến năm 2020 sẽ đạt gần 5 tỷ USD, mức tăng trưởng xuất khẩu trung bình sẽ đạt 10,63% / năm. Đến lúc đó kim ngạch xuất khẩu cá tra có thể đạt đến con số 1 tỷ USD.

Theo thông tin từ Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy Sản Việt Nam (VASEP Vietnam) thủy sản cá tra, basa Việt Nam đã làm thay đổi thói quen tiêu dùng cá thịt trắng ở Mỹ, EU, Nga. Trong 10 năm qua, cá tra, basa Việt Nam có tốc độ tăng trưởng cao. Riêng năm 2006, tổng sản lượng cá tra, Basa xuất khẩu 266.600 tấn, đến năm 2008 tăng lên 640.829 tấn (tăng 2,4 lần). Điều này chứng tỏ cá tra, basa là một trong những sản phẩm chủ lực của ngành thủy sản Việt Nam.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 10/2006-QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2006 phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 với mục tiêu của Chính phủ là xây dựng ngành thủy sản thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, có sức cạnh tranh cao, có kim ngạch xuất khẩu lớn, có khả năng tự đầu tư phát triển, góp phần đáng kể vào việc phát triển kinh tế xã hội với kim ngạch xuất khẩu phải đạt 4 tỷ USD vào năm 2010.

Xét trên phạm vi thị trường thủy sản thế giới, khối lượng mặt hàng thủy sản ngày càng tiêu thụ nhiều hơn, người tiêu dùng ngày càng tin dùng sản phẩm thủy sản, trong đó cá tra là loại thực phẩm có lợi cho sức khỏe so với gia súc, gia cầm vốn đang ngày càng phát hiện nhiều căn bệnh dịch nguy hiểm. Theo dự báo thì hàng năm thế giới sẽ phải tăng ít nhất 2 triệu tấn thủy sản cho nhu cầu thực phẩm và cung của thủy sản chưa đáp ứng cầu trên đà gia tăng.

Như vậy định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

a. Số lượng lao động và cơ cấu lao động

Tổng số lao động của công ty tính đến ngày 31/03/2009 là 917 người, với cơ cấu như sau:

**Bảng 11** : Cơ cấu lao động tại 31/03/2009

PHÂN LOẠI	SỐ NGƯỜI	TỶ TRỌNG (%)
Theo trình độ		
Trên đại học	1	0,11%
Đại học	36	3,93%
Cao đẳng, Trung cấp	122	13,30%
Lao động phổ thông	758	82,66%
Theo tính chất công việc		
Lao động trực tiếp	858	93,57%
Lao động gián tiếp	59	6,43%

b. Các chính sách đối với người lao động

- Công tác đào tạo: Công ty thường xuyên tổ chức hoặc gửi CB-CNV đi dự các chương trình đào tạo ngắn hạn và tập trung dài hạn, nhằm để nâng cao trình độ chuyên môn, chuẩn bị cho lực lượng trẻ kế thừa sau này.
- Chế độ làm việc: Công ty bố trí lao động sản xuất linh hoạt theo tính chất, yêu cầu của việc sản xuất. Cụ thể như sau :
 - Đối với khối gián tiếp: Chế độ làm việc theo giờ hành chính.
 - Đối với khối trực tiếp: Tùy theo từng phân xưởng, Công ty bố trí làm việc 01 ca hoặc 02 ca; giữa ca đều có chế độ tiền cơm và bố trí giờ nghỉ ca cho công nhân.
- Thời gian nghỉ phép, lễ, tết, ốm, thai sản...: Công ty đều tuân thủ theo quy định của Luật lao động.
- Tiền lương: So với mặt bằng lương chung trong ngành thủy sản nói chung và trong địa phương nói riêng, Công ty đang trả lương cho CB-CNV khá cạnh tranh và hấp dẫn, nhất là người lao động có được nguồn thu nhập ổn định.

Mức lương bình quân thực hiện trong năm 2008 như sau :

- Khối gián tiếp 4.384.000 đ/người/tháng.
- Khối trực tiếp 1.564.000 đ/người/tháng.
- Chính sách khen thưởng :
Nhằm khuyến khích động viên CB-CNV, trong các năm qua Công ty áp dụng chính sách khen thưởng dựa trên hiệu quả công tác và bình chọn cá nhân, tập thể tiên tiến theo tiêu chuẩn A, B, C.
 - Năm 2006 tiền thưởng bình quân là 4.528.000 đ/người.
 - Năm 2007 tiền thưởng bình quân 5.934.000 đ/người.
 - Năm 2008 tiền thưởng bình quân 4.830.000 đ/người.



- Ngoài ra, cứ 02 năm Công ty đều tổ chức cho CB-CNV có thành tích xuất sắc hoặc thâm niên công tác đi tham quan du lịch nước ngoài (như Trung Quốc, Singapore, Mã Lai) và tham quan du lịch trong nước (TP Hồ Chí Minh, Đà Lạt, Nha Trang, Huế, Quảng Bình, Hà Nội).
- Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động: Tất cả CB-CNV chính thức của Công ty đều được hưởng các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động theo đúng luật định.

10. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật.

Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHCĐ.

Đại hội cổ đông thường niên biểu quyết các chỉ tiêu chủ yếu của Công ty, trong đó có chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ và tỷ lệ cổ tức.

Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm của Mekongfish:

Tỷ lệ cổ tức	2006	2007	2008	KH2009	KH2010	KH2011
%/mệnh giá	22%	25%	22%	18%	20%	22%

Năm 2008, Công ty đã tạm ứng cổ tức 22%/mệnh giá cho cổ đông. Tuy nhiên sau khi trích lập Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn 46,79 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế cả năm 2008 chỉ còn 2,4 tỷ đồng, do đó không đủ để chi quyết toán cho khoản tạm ứng cổ tức 2008 là 22%. Theo Biên bản Đại hội cổ đông thường niên năm 2008 của Mekongfish ngày 25-04-2009 thì phần cổ tức 22% tạm ứng cho năm 2008 sẽ được xử lý như sau:

- Tổng số tiền đã tạm ứng cổ tức cho cổ đông năm 2008 (22%/mệnh giá): 17,82 tỷ đồng. Trong đó:
 - o 9,01 tỷ đồng sẽ dùng nguồn Lợi nhuận giữ lại 2007 và 2008 để bù đắp
 - o 8,81 tỷ đồng còn lại sẽ được trích từ lợi nhuận năm 2009 để quyết toán

Theo chủ trương của Công ty hiện nay, trong năm 2009 cổ tức sẽ được thanh toán làm 02 đợt :

- Đợt 1 cổ tức được tạm ứng cho 06 tháng đầu năm. Công ty phân đầu tiếp tục duy trì mức tạm ứng cổ tức ở mức không thấp hơn 7%.
- Cuối năm, sau khi quyết toán, cổ tức được thanh toán toàn bộ.

So với các năm trước, từ năm 2008 đến năm 2010 mức chia cổ tức có giảm do công ty dự kiến sẽ tăng tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản



- **Nguyên giá TSCĐ hữu hình:** Được ghi nhận theo giá gốc và toàn bộ các chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra để có được TSCĐ đó, tính đến thời điểm sẵn sàng đưa vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh.
- **Nguyên giá TSCĐ vô hình:** Bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và lâu dài. Được ghi nhận theo số tiền đã chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng chi phí liên quan như san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.
- **Khấu hao TSCĐ:** Được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng dự tính của tài sản; tỷ lệ khấu hao áp dụng theo Quyết định 206/QĐ-BTC ngày 12/12/2003. Cụ thể như sau:

TÀI SẢN	THỜI GIAN KHẤU HAO
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm - 6 năm
- Máy móc, thiết bị	2 năm - 8 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	4 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 năm - 3 năm
- Tài sản cố định khác	4 năm
- Tài sản cố định vô hình	5 năm - 6 năm

- **Mức lương bình quân:** Mức lương bình quân năm 2008 đối với khối gián tiếp là 4.384.000 đ/người/tháng và đối với khối trực tiếp là 1.564.000 đ/người/tháng. Đây là mức trung bình khá so với nhiều doanh nghiệp khác trong khu vực. Ngoài ra, người lao động còn được hưởng các ưu đãi và khen thưởng khác theo quy định của Công ty.
- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:** Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ khoản nợ đến hạn. Tính đến thời điểm ngày 31/03/2009 Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.
- **Các khoản phải nộp theo luật định:** Công ty luôn chấp hành tốt các nghĩa vụ về thuế và các khoản nộp khác theo luật định.

- **Trích lập các quỹ theo luật định:** Tỷ lệ trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng - phúc lợi hàng năm được HĐQT đề xuất căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và do đại hội cổ đông thường niên biểu quyết theo đúng luật định và điều lệ Công ty. Tình hình số dư các quỹ qua các năm cụ thể như sau:

TT	KHOẢN MỤC	Đvt	NĂM 2007 (*)	NĂM 2008 (*)	QUÝ I/2009
1	Quỹ đầu tư phát triển	Trđ	3.688	5.838	5.838
2	Quỹ dự phòng tài chính	Trđ	2.009	3.364	3.364
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Trđ	3.552	3.183	2.524



- **Tổng dư nợ vay:** Tính đến 31/03/2009, Công ty còn nợ vay ngân hàng là 22,91 tỷ đồng trong chương trình hỗ trợ lãi suất của Nhà Nước.
- **Tình hình công nợ hiện nay:** Đến cuối Quý I/2009, các khoản phải thu của Công ty và công nợ phải trả như sau:

Bảng 12: Các khoản phải thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	KHOẢN MỤC	NĂM 2007 (*)	NĂM 2008 (*)	QUÝ I/2009
1	Phải thu khách hàng	41.610,63	50.022,26	53.710,91
2	Trả trước người bán	3.785,13	14,62	9.283,95
3	Phải thu khác	44.481,35	45.028,25	46.318,43
	Cộng	89.877,11	95.065,13	109.313,29

Bảng 13: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	KHOẢN MỤC	NĂM 2007 (*)	NĂM 2008 (*)	QUÝ I/2009
1	Nợ ngắn hạn :	18.278,44	18.367,38	52.465,45
	Trong đó :			
	• Vay ngắn hạn	-	-	22.910,00
	• Phải trả người bán	10.964,43	16.206,54	24.264,55
	• Thuế phải nộp	53,70	26,75	4,57
2	Nợ dài hạn :	1.127,70	1.346,10	1.312,77
	Trong đó :			
	• Vay dài hạn	-	-	-
	• Phải trả dài hạn khác	853,00	953,00	953,00
	Cộng	19.406,14	19.713,48	53.778,22

(*) Số liệu đã kiểm toán

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Mekong

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 14: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Quý I/2009
--------------	----------	----------	------------



Các chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Quý I/2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn	12,97 lần	11,77 lần	5,03 lần
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	10,8 lần	9,06 lần	3,54 lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,06 lần	0,07 lần	0,16 lần
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,07 lần	0,07 lần	0,19 lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,83	1,33	0,27
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	10,12	7,39	1,51
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,04%	0,60%	8,76%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	12,46%	0,87%	2,82%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	11,04%	0,80%	2,36%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,95%	0,36%	9,10%

(*) *Ghi chú: Số liệu vốn CSH và tổng tài sản được tính trên cơ sở bình quân theo năm.*

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán và cơ cấu tài chính của Công ty đều ở mức khá. Đặc biệt, từ năm 2007 đến 2008, Công ty không có khoản nợ vay Ngân hàng nào. Riêng trong Quý I/2009, công ty có nợ vay ngân hàng 22,91 tỷ đồng theo chương trình hỗ trợ lãi suất của Nhà Nước.

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Bảng 15: Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Số TT	Tên	Năm sinh	Chức danh	Số CMND
	Hội đồng quản trị			
1	Lương Hoàng Mạnh	18/04/1959	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	361040019



Số TT	Tên	Năm sinh	Chức danh	Số CMND
2	Nguyễn Hoàng Nhơn	27/10/1951	Phó chủ tịch HĐQT kiêm phó giám đốc Công ty	361582110
3	Nguyễn Thị Chính	10/03/1958	Thành viên HĐQT kiêm phó giám đốc Công ty	361040032
4	Trần Thị Bé Năm	10/05/1958	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty	362232904
5	Ngô Thị Thó	1962	Thành viên HĐQT	380810827
Ban Giám đốc				
1	Lương Hoàng Mạnh	18/04/1959	Giám đốc Công ty kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty	361040019
2	Nguyễn Hoàng Nhơn	27/10/1951	P.Giám đốc Công ty kiêm P.Chủ tịch HĐQT Công ty	361582110
3	Nguyễn Thị Chính	10/03/1958	P.Giám đốc Công ty kiêm Thành viên HĐQT Công ty	361040032
4	Tăng Tuấn Anh	04/02/1968	Phó giám đốc công ty	361065185
Ban kiểm soát				
1	Nguyễn Kim Phượng	1958	Trưởng Ban kiểm soát kiêm Kế toán Công ty	360003072
2	Lê Yên Nhi	06/11/1972	Thành viên BKS kiêm Trưởng phòng KCS Công ty	361482146
3	Dương Thị Lệ Thúy	1965	Thành viên BKS	351504108
Kế toán trưởng				
1	Trần Thị Bé Năm	10/05/1958	Kế toán trưởng kiêm	362232904



Số TT	Tên	Năm sinh	Chức danh	Số CMND
			Thành viên HĐQT Công ty	

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Mekong

Thành viên HĐQT

1. Ông **Lương Hoàng Mạnh**, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CMND số: 361040019, cấp ngày 05/11/2003, tại Công an TP Cần Thơ.

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 18 tháng 04 năm 1959.

Nơi sinh: Cần Thơ.

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Thới Đông - Ô Môn - Cần Thơ.

Địa chỉ thường trú: 128 - B1 Trung tâm TM Cái Khế, TP Cần Thơ.

Điện thoại liên lạc: 0710.843236 - 0913974801.

Trình độ văn hóa: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết bị điện, Thạc sĩ quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

- Năm 1977 - 1989: Quản đốc vận hành máy XN Rau quả Đông lạnh Cần Thơ.
- Năm 1990 - 1993: Trưởng phòng kỹ thuật XN Rau quả Đông lạnh Cần Thơ.
- Năm 1993 - 1996: Phó giám đốc XN Rau quả Đông lạnh Cần Thơ.
- Năm 1997 - 1998: Phó giám đốc XN Chế biến Nông sản Thực Phẩm Cần Thơ.
- Năm 1998 - 2001: Giám đốc XN Chế biến Nông sản Thực Phẩm Cần Thơ.
- Năm 2002 - nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong.

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong.

Chức vụ đang nắm ở tổ chức khác: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Cần Thơ (CTC Cần Thơ).

Số cổ phần đang sở hữu đến thời điểm ngày 30/04/2009: 237.122 cổ phần, chiếm 2,93% vốn điều lệ.



Số cổ phần đang sở hữu của những người liên quan đến thời điểm ngày 30/04/2009: Con ruột Lương Hoàng Duy, số cổ phần nắm giữ: 27.800 cổ phần, chiếm 0,34% vốn điều lệ.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không.

2. Ông Nguyễn Hoàng Nhơn, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CMND số: 361562110, cấp ngày 05/08/2006, tại Công an TP Cần Thơ.

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 27 tháng 10 năm 1951.

Nơi sinh: An Giang.

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Quận Cái Răng - TP Cần Thơ.

Địa chỉ thường trú: 2A đường 30/4, TP Cần Thơ.

Điện thoại liên lạc: 0710.839448 – 0903 024 949.

Trình độ văn hóa: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

- Năm 1976 - 1979: Trưởng Ban kế hoạch XN Đúc Thống Nhất - Sở Công nghiệp TP Hồ Chí Minh.
- Năm 1979 - 1993: Trưởng phòng kế hoạch XN Rau quả Đông lạnh Xuất khẩu Hậu Giang.
- Năm 1993 - 2002: Phó giám đốc kinh doanh XN Chế biến Nông sản Thực phẩm Cần Thơ (chuyển đổi từ XN Rau quả Đông lạnh Xuất khẩu Hậu Giang)
- Năm 2002 - nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc Công ty Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc trực Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong.

Chức vụ đang nắm ở tổ chức khác: Không.

Số cổ phần đang sở hữu đến thời điểm ngày 30/04/2009: 189.000 cổ phần, chiếm 2,33% vốn điều lệ.

Số cổ phần đang sở hữu của những người liên quan đến thời điểm ngày 30/04/2009: Không.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.



Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

3. Bà **Nguyễn Thị Chính**, Ủy viên Hội đồng quản trị.

CMND số: 361040032, cấp ngày 06/04/2004, tại Công an TP Cần Thơ.

Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 10 tháng 03 năm 1958.

Nơi sinh: Cần Thơ.

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP Cần Thơ.

Địa chỉ thường trú: 61/8B Lê Hồng Phong, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ.

Điện thoại liên lạc: 0710.842724 - 0913118868.

Trình độ văn hóa: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Trung cấp chế biến.

Quá trình công tác:

- Tháng 11/1977: Công tác tại XN Rau quả Đông lạnh Xuất khẩu Hậu Giang.
- Tháng 10/1980: Trưởng ca phân xưởng chế biến XN Rau quả Đông lạnh Xuất khẩu Hậu Giang.
- Năm 1980 - 1982: Phó quản đốc phân xưởng chế biến Xí nghiệp Rau quả Đông lạnh Xuất khẩu Hậu Giang.
- Năm 1982 - 1992: Quản đốc phân xưởng chế biến Xí nghiệp Rau quả Đông lạnh Xuất khẩu Hậu Giang.
- Năm 1992 - 1994: Phó phòng kỹ thuật sản xuất XN Rau quả Đông lạnh Xuất khẩu Hậu Giang.
- Năm 1994 - 1998: Trưởng phòng kỹ thuật sản xuất Xí nghiệp Rau quả Đông lạnh Xuất khẩu Hậu Giang.
- Năm 1998 đến nay: Phó giám đốc sản xuất Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc sản xuất Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong.

Chức vụ đang nắm ở tổ chức khác: Không.

Số cổ phần đang sở hữu đến thời điểm ngày 30/04/2009: 185.000 cổ phần, chiếm 2,28% vốn điều lệ.

Số cổ phần đang sở hữu của những người liên quan đến thời điểm ngày 30/04/2009: Không.



Các khoản nợ đối với Công ty : Không.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không.

4. Bà **Trần Thị Bé Năm**, Ủy viên Hội đồng quản trị.

CMND số: 362232904, cấp ngày 18/04/2005, tại Công an TP Cần Thơ.

Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 10 tháng 05 năm 1958.

Nơi sinh: Tỉnh Vĩnh Long.

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Mỹ Lộc - Tam Bình - Vĩnh Long.

Địa chỉ thường trú: 70-B2 Trung Tâm TM Cái Khế, TP Cần Thơ.

Điện thoại liên lạc: 0710.841560 - 0913818064.

Trình độ văn hóa: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

- Năm 1985 - 1993: Kế toán Xí nghiệp Rau quả Đông lạnh Xuất khẩu Cần Thơ.
- Tháng 06/1993 - 12/1993: Phó phòng kế toán Xí nghiệp Rau quả Đông lạnh Xuất khẩu Cần Thơ.
- Năm 1994 – 2001: Kế toán trưởng Xí nghiệp Rau quả Đông lạnh XK Cần Thơ.
- Năm 2002 - nay: Kế toán trưởng, Ủy viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong.

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong.

Chức vụ đang nắm ở tổ chức khác: Không.

Số cổ phần đang sở hữu đến thời điểm ngày 30/04/2009: 145.200 cổ phần, chiếm 1,79% vốn điều lệ.

Số cổ phần đang sở hữu của những người liên quan đến thời điểm ngày 30/04/2009: Không.

Các khoản nợ đối với Công ty : Không.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không.

5. Bà **Ngô Thị Thố**, Ủy viên Hội đồng quản trị.

CMND số: 380810827, cấp ngày 27/06/2003, nơi cấp: Cà Mau.



Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 1962.

Nơi sinh: Tỉnh Cà Mau.

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Thị trấn Cái Đoi Vàm - Cà Mau.

Địa chỉ thường trú: Khóm 2 Cái Đoi Vàm - Cà Mau.

Điện thoại liên lạc: 0982986072.

Trình độ văn hóa: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Kế toán.

Quá trình công tác:

- Từ năm 2002 - nay: Ủy viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong.

Chức vụ đang nắm ở tổ chức khác: Không.

Số cổ phần đang sở hữu đến thời điểm ngày 30/04/2009: 92.930 cổ phần, chiếm 1,15% vốn điều lệ.

Số cổ phần đang sở hữu của những người liên quan đến thời điểm ngày 30/04/2009: Không.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

Thành viên Ban Giám đốc

1. Ông **Lương Hoàng Mạnh** - Giám đốc

Xem chi tiết ở phần Thành viên Hội đồng quản Trị

2. Ông **Nguyễn Hoàng Nhơn** - Phó Giám đốc trực

Xem chi tiết ở phần Thành viên Hội đồng quản Trị

3. Bà **Nguyễn Thị Chính** – Phó Giám đốc Sản xuất

Xem chi tiết ở phần Thành viên Hội đồng quản Trị

4. Ông **Tăng Tuấn Anh**, Phó giám đốc kinh doanh

CMND số: 361065185, cấp ngày 01/04/1993, tại Công an TP Cần Thơ.

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 04 tháng 02 năm 1968.



Nơi sinh: Cần Thơ.

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Quận Ninh Kiều - TP Cần Thơ.

Địa chỉ thường trú: 140/10/7 Lý Tự Trọng – An Cư – Ninh Kiều – TP.Cần Thơ.

Điện thoại liên lạc: 0913 763 475.

Trình độ văn hóa: Đại học.

Trình độ chuyên môn: Đại học Ngoại ngữ (Anh văn).

Quá trình công tác:

- Từ 01/2002 – 11/2005: Phó phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Thủy Sản Mekong.
- Từ 12/2005 – 06/2008: Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Thủy Sản Mekong.
- Từ 07/2008 đến nay: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Sản Mekong.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong.

Chức vụ đang nắm ở tổ chức khác: Không.

Số cổ phần đang sở hữu đến thời điểm ngày 30/04/2009: 12.856 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ.

Số cổ phần đang sở hữu của những người liên quan đến thời điểm ngày 30/04/2009: Không.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

Ban Kiểm Soát

1. Bà **Nguyễn Kim Phượng**, Trưởng Ban Kiểm soát.

CMND số: 360003072, cấp ngày 22/05/2002, nơi cấp: TP. Cần Thơ.

Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 1958.

Nơi sinh: Tỉnh Bến Tre.

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Giồng Trôm, Bến Tre.

Địa chỉ thường trú: Phước Thới, Ô Môn, Cần Thơ.



Điện thoại liên lạc: 0710.841444.

Trình độ văn hóa: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kế toán.

Quá trình công tác:

- Năm 1975 - 1982: Nhân viên Công ty Vật tư Tổng hợp Hậu Giang.
- Năm 1982 - nay: Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong.

Chức vụ công tác hiện nay: Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong.

Chức vụ đang nắm ở tổ chức khác: Không.

Số cổ phần đang sở hữu đến thời điểm ngày 30/04/2009: 60.100 cổ phần, chiếm 0,74% vốn điều lệ.

Số cổ phần đang sở hữu của những người liên quan đến thời điểm ngày 30/04/2009: Không.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

2. Bà **Lê Yến Nhi**, Thành viên Ban kiểm soát.

CMND số: 361482146, cấp ngày 17/07/1989, nơi cấp : TP Cần Thơ.

Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 06 tháng 11 năm 1972.

Nơi sinh: Tỉnh Minh Hải.

Quốc tịch Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Ngọc Hiển, Minh Hải.

Địa chỉ thường trú: Ô Môn, Cần Thơ.

Điện thoại liên lạc: 0710.861555 - 0919342577.

Trình độ văn hóa: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa - thực phẩm.

Quá trình công tác:

- Năm 1996: Cán bộ KCS Xí nghiệp Rau quả Đông lạnh Xuất Khẩu Hậu Giang.
- Năm 1997 - 1999: Cán bộ KCS Xí nghiệp Chế biến Nông sản TP Cần Thơ.
- Năm 2000: Phó phòng KCS Xí nghiệp Chế biến Nông sản TP Cần Thơ.
- Năm 2001: Trưởng phòng KCS Xí nghiệp Chế biến Nông sản TP Cần Thơ.
- Năm 2002 - nay: Trưởng phòng KCS Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong.

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng KCS Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong.



Chức vụ đang nắm ở tổ chức khác: Không.

Số cổ phần đang sở hữu đến thời điểm ngày 30/04/2009: 46.000 cổ phần, chiếm 0,57% vốn điều lệ.

Số cổ phần đang sở hữu của những người liên quan đến thời điểm ngày 30/04/2009: Không.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

3. Bà **Dương Thị Lệ Thúy**, Thành viên Ban kiểm soát.

CMND số: 351504108, cấp ngày 02/01/2001, nơi cấp: Công an An Giang.

Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 1965.

Nơi sinh: Tỉnh An Giang.

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: An Thạnh Trung, An Giang.

Địa chỉ thường trú: An Thạnh Trung, An Giang.

Điện thoại liên lạc: 0913972177.

Trình độ văn hóa: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Kế toán.

Quá trình công tác:

- Năm 1987 - 1990: Kế toán TN Châu Thành - An Giang.
- Năm 1991 – 1996: Kế toán Công ty 3/2 Châu Thành - An Giang.
- Năm 1997 - 2000: Kế toán Công ty Vĩnh Hoàn.
- Năm 2002 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong.

Chức vụ đang nắm ở tổ chức khác: Không.

Số cổ phần đang sở hữu đến thời điểm ngày 30/04/2009: 63.698 cổ phần, chiếm 0,79% vốn điều lệ.

Số cổ phần đang sở hữu của những người liên quan đến thời điểm ngày 30/04/2009: Không.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.



Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

Kế toán trưởng

Bà **Trần Thị Bé Năm**, Kế toán trưởng.

Xem chi tiết ở phần Thành viên Hội đồng quản Trị

13. Tài sản

Tính đến thời điểm 31/01/2009, một số tài sản chủ yếu của Công ty như sau:

Bảng 16: Một số tài sản chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/03/2009

Đơn vị tính: Triệu đồng

KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	TỶ LỆ CÒN LẠI
Nhà cửa, vật kiến trúc	7.851,22	1.033,43	13,16%
Máy móc, thiết bị	28.436,56	15.521,51	54,58%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.293,11	241,77	18,70%
Dụng cụ quản lý	537,00	206,57	38,47%
Tài sản cố định (Vô hình)	19.758,22	19.299,94	97,68%
Tổng cộng	57.876,11	36.303,22	

Nguồn: Công ty CP Thủy Sản Mekong

Bảng 17: Tình hình nhà xưởng đất đai của Công ty

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Thời điểm bắt đầu sử dụng	Thời hạn	Loại hình
1	Lô 24 khu công nghiệp Trà Nóc – TP.Cần Thơ.	27.562	01/01/1998	48 năm	Thuê
2	Lô 25B khu công nghiệp Trà Nóc – TP.Cần Thơ.	5.666	21/11/2007	38 năm	Thuê
3	Ấp Đông Hậu, xã Ngải Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	150.000	09/11/2007	50 năm	Mua
4	Phường An Bình, Q. Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.	1.887,5	10/03/2004	50 năm	Thuê
5	Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP.Cần Thơ	2.711,4	26/03/2004	20 năm	Mua từ Quỹ KTPL để xây



STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Thời điểm bắt đầu sử dụng	Thời hạn	Loại hình
					nhà ở cho CB-CNV
6	Tỉnh lộ 917 Nguyễn Chí Thanh, phường Trà Nóc, Bình Thủy, TP.Cần Thơ.	3.302,2	23/01/2007	17 năm	Mua từ Quỹ KTPL để xây nhà ở cho CB-CNV

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Mekong

14. Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức trong những năm tiếp theo và kế hoạch đầu tư

14.1. Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức trong những năm tiếp theo.

Bảng 18: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức những năm tiếp theo

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2009	% tăng / (giảm) so với 2008	NĂM 2010	% tăng / (giảm) so với 2009	NĂM 2011	% tăng / (giảm) so với 2010
1	Tổng doanh thu thuần	405.000	1,63	450.000	11,11%	500.000	11,11%
2	Lợi nhuận trước thuế	27.000	735,91	30.000	11,11%	42.000	40,00%
3	Lợi nhuận sau thuế	24.975	938,03	27.750	11,11%	31.500	13,51%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (%)	6,17	921,41	6,17	-	6,30	2,16%
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu (%)	8,63	896,27	9,18	6,36%	9,92	8,06%
6	Cổ tức/năm	18%	(4%)	20%	2,00%	22%	2,00%

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Mekong

Năm 2008 do trích lập dự phòng nên lợi nhuận giảm thấp, từ đó tỷ lệ lợi nhuận kế hoạch năm 2009 so với năm 2008 sẽ tăng rất cao (hơn 9 lần). Từ năm 2011 trở về sau công ty phải chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% so với các năm trước là 7,5% nên tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần và Vốn chủ sở hữu sẽ giảm so với năm 2010.

14.2. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh từ năm 2009 đến năm 2011 của từng nhóm sản phẩm

a. Sản phẩm đông lạnh:

TT	NHỮNG CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	NĂM 2009	NĂM 2010	NĂM 2011
----	------------------------	----------	----------	----------



1	Sản lượng SP chủ yếu tiêu thụ			
	Tổng số (Tấn)	9.500	10.500	12.000
	• Cá tra đông lạnh xuất khẩu	8.800	9.800	11.300
	• Bạch tuộc đông lạnh xuất khẩu	500	500	500
	• Thủy sản khác	200	200	200
2	Tổng doanh thu thuần (triệu đồng)	405.000	450.000	500.000
	Trong đó, xuất khẩu (USD)	22.500.000	25.000.000	27.700.000
3	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	27.000	30.000	42.000
4	Tổng số lao động (Người)	1.200	1.300	1.400

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Mekong

b. Chăn nuôi thủy sản:

- Giai đoạn 1 : Năm 2009 đến 2010, diện tích mặt nước nuôi 15 ha.
- Giai đoạn 2 : Từ năm 2011 trở đi, diện tích mặt nước nuôi tăng dần lên 30 ha.

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2009	NĂM 2010	NĂM 2011
1	Sản lượng cá thương phẩm (tấn)	2.500	3.000	4.000

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Mekong

14.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

a. Định hướng mục tiêu:

- Chú trọng vào xuất khẩu các mặt hàng đông lạnh (chiếm 98% sản lượng).
- Kết hợp việc chế biến hai sản phẩm chủ yếu là cá tra và bạch tuộc đông lạnh với việc xây dựng vùng nuôi.
- Kế hoạch xây dựng xí nghiệp chế biến phụ phẩm cá tra và xí nghiệp chế biến thức ăn thủy sản sẽ điều nghiên sau (tùy theo tình hình thực tế mà đầu tư đạt hiệu quả cao).

b. Những biện pháp để đảm bảo kế hoạch:

- Về thị trường:
 - Công ty chú trọng công tác Marketing, xúc tiến thương mại và kết hợp với Hiệp hội Chế biến - Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) để tham dự các kỳ hội chợ trong và ngoài nước.
 - Chú trọng nhiều vào thị trường EU, Nga, Ukraina, Úc và Châu Á trong đó lưu ý đến thị trường khối Trung Đông.
 - Đặc biệt từ tháng 4/2009 công ty nằm trong 10 doanh nghiệp được phép xuất khẩu Cá tra sang thị trường Nga, là thị trường lớn, ổn định cho sự phát triển bền vững



của công ty. Đây là lợi thế so sánh rất lớn của Mekongfish so với các công ty cùng ngành nghề trong điều kiện khủng hoảng kinh tế tài chính và thị trường bị thu hẹp.

- Đa dạng hóa sản phẩm để tiêu thụ trên thị trường trong và ngoài nước, ưu tiên cho xuất khẩu. Ngoài các sản phẩm truyền thống như cá tra fillet, bạch tuộc, Công ty sẽ chế biến sản phẩm giá trị gia tăng để bán vào các siêu thị, ngoài ra còn có sản phẩm mới như mỡ cá tra, thức ăn chăn nuôi thủy sản sẽ điều nghiên sau.
- Khép kín vùng nguyên liệu qua hình thức tự nuôi và đầu tư cho các thành viên câu lạc bộ nuôi cá sạch để có nguồn nguyên liệu dồi dào, ổn định và đạt tiêu chuẩn quy cách chất lượng đáp ứng yêu cầu khách hàng. Dự kiến phần tự nuôi và hợp tác chăn nuôi sẽ đáp ứng 70% nhu cầu khách hàng, còn lại sẽ huy động thêm ở nông dân bên ngoài nhưng có kiểm soát về chất lượng cá.
- Đầu tư trang thiết bị hiện đại để tăng công suất, hạ định mức chi phí nguyên liệu, năng lượng, tăng sức cạnh tranh. Xây dựng thêm 01 kho lạnh 2.500 tấn để nâng công suất trữ lạnh lên 3.500 tấn hàng hóa, trang bị thêm ít nhất 04 băng chuyền đông IQF hiện đại, nới rộng nhà máy sản xuất cá tra để đạt công suất 130 - 150 tấn cá nguyên liệu/ngày vào đầu năm 2010.
- Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế để đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm như tiêu chuẩn HACCP, ISO, chăn nuôi sạch, sản xuất sạch.
- Cải tổ bộ máy quản lý để chuyên môn hóa, trí thức hóa, trẻ hóa để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Ngoài ra, Công ty cũng đã có sự liên kết với Công ty Cổ phần Thủy sản Nam Việt, Công ty Cổ phần Thủy sản Hùng Vương nhằm tạo thế lực mạnh trong công nghệ sản xuất, kinh doanh, chăn nuôi thủy sản cá tra và sẽ quyết tâm đưa 03 đơn vị liên kết này chiếm 40% thị phần thủy sản của Việt Nam vào năm 2009 – 2010. Thoả thuận hợp tác giữa 03 Công ty đã được ký kết vào ngày 07/12/2007.

14.4. Kế hoạch đầu tư trong tương lai

Trong thời gian tới, Công ty sẽ tập trung vào thực hiện dự án chủ lực sau:

Dự án đầu tư khu nuôi thủy sản cá tra :

- Địa điểm dự án: tại Cồn Đông Hậu, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long, cách nhà máy chế biến cá tra của Công ty 18 Km về hạ nguồn Sông Hậu.
- Tiến độ dự án:
 - Năm 2007 và 2008: Nhận đất, đào ao và đưa dần chăn nuôi từng ao.
 - Đầu năm 2009: Bắt đầu thu hoạch cá tra để phục vụ chế biến.
- Tổng vốn đầu tư ban đầu: 57 tỷ đồng, tài trợ từ nguồn vốn tự có của Công ty.
- Sản lượng dự kiến:



- Năm 2009: 2.000 tấn cá tra thương phẩm.
- Năm 2010: 3.000 tấn cá tra thương phẩm.
- Năm 2011: 4.000 tấn cá tra thương phẩm.

Kể từ năm 2010 trở đi, Công ty sẽ phát triển thêm vùng nuôi cá để đạt diện tích mặt nước tăng dần lên 30 ha. Đầu tư thêm 02 máy cấp đông IQF công suất 500kg/giờ và kho lạnh 2.500 tấn để nâng công suất chế biến từ 80 tấn nguyên liệu/ngày lên 130 tấn nguyên liệu/ngày.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành xem xét và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong cũng như về lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Đồng thời, dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua, năng lực của MEKONGFISH và mức tăng trưởng dự tính sắp tới của ngành và của nền kinh tế, SSI nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty là có tính khả thi nếu không có những biến động lớn ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể là:

- Kế hoạch của Công ty được dự báo trên cơ sở đã tính đến những biến động bất lợi của tình hình kinh tế nói chung và của ngành thủy sản nói riêng so với các năm trước và có khả năng tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tính đến hết Quý I/2009, Công ty đã đạt 32% lợi nhuận kế hoạch của cả năm 2009. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm thủy sản thường có xu hướng gia tăng vào thời điểm cuối năm, nên đây là điều kiện thuận lợi để Công ty tiếp tục thực hiện kế hoạch kinh doanh đã đề ra.
- Công ty có kinh nghiệm kinh doanh thủy sản qua nhiều năm, hiện đã có nguồn khách hàng tương đối ổn định, đã tạo được mối liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp lớn khác trong ngành (Nam Việt, Hùng Vương). Đây là những yếu tố có thể tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.
- Công ty đang đã và đang phát triển ổn định và các hoạt động sản xuất kinh doanh còn được tiếp tục được mở rộng trong các năm tiếp theo với một số dự án đã được HĐQT công ty thông qua....
- Đặc biệt từ tháng 4/2009 công ty nằm trong 10 doanh nghiệp được phép xuất khẩu Cá tra sang thị trường Nga, là thị trường lớn, ổn định cho sự phát triển bền vững của công ty. Đây là lợi thế so sánh rất lớn của Mekongfish so với các công ty cùng ngành nghề trong điều kiện khủng hoảng kinh tế tài chính và thị trường bị thu hẹp.

Năm 2009, theo kế hoạch thì ngoài phần trả cổ tức 18% cho năm 2009 từ lợi nhuận sau thuế, công ty còn phải bù đắp cho phần tạm ứng cổ tức đã chi quá nguồn của năm 2008 lên đến 8,81 tỷ đồng. Do đó nếu năm 2009, trường hợp Công ty không đạt được lợi nhuận đề ra thì kế hoạch trả cổ tức có thể sẽ thay đổi.



Công ty đưa ra tỷ lệ cổ tức là 20%-22%/mệnh giá cho các năm 2010 - 2011, với tỷ lệ này thì trung bình khoảng 58% lợi nhuận theo kế hoạch của Công ty được sử dụng để trả cổ tức. Như vậy, đây là mức cổ tức mà Công ty có khả năng chi trả và phần lợi nhuận còn lại đủ cho Công ty trích lập các quỹ theo quy định và bổ sung nguồn vốn kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có.

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu niêm yết

8.100.000 (Tám triệu một trăm ngàn) cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Thành viên HĐQT, Ban GD, BKS, Kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo. Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng do cam kết trên là **1.031.906** cổ phiếu (chiếm 12,74% VDL).

Bảng 19: Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng

Số TT	Tên	Chức danh	Số CP sở hữu	Số CP hạn chế chuyển nhượng	Thời hạn nắm giữ
1	Lương Hoàng Mạnh	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc	237.122	237.122	6 tháng
				118.561	12 tháng
2	Nguyễn Hoàng Nhơn	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó giám đốc	189.000	189.000	6 tháng
				94.500	12 tháng
3	Nguyễn Thị Chính	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc	185.000	185.000	6 tháng
				92.500	12 tháng



Số TT	Tên	Chức danh	Số CP sở hữu	Số CP hạn chế chuyển nhượng	Thời hạn nắm giữ
4	Tăng Tuấn Anh	Phó giám đốc	12.856	12.856 6.428	6 tháng 12 tháng
5	Trần Thị Bé Năm	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	145.200	145.200 72.600	6 tháng 12 tháng
6	Ngô Thị Thó	Thành viên HĐQT	92.930	92.930 46.465	6 tháng 12 tháng
7	Nguyễn Kim Phượng	Trưởng BKS, Kế toán công ty	60.100	60.100 30.050	6 tháng 12 tháng
8	Lê Yến Nhi	Thành viên BKS, Trưởng phòng KCS	46.000	46.000 23.000	6 tháng 12 tháng
9	Dương Thị Lệ Thúy	Thành viên BKS	63.698	63.698 31.849	6 tháng 12 tháng
Tổng cộng			1.031.906	1.031.906 515.953	6 tháng 12 tháng

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Mekong

5. Phương pháp tính giá

5.1 Giá sổ sách

- Dựa trên báo cáo tài chính đã kiểm toán thời điểm 31/12/2008, giá sổ sách 1 cổ phiếu của Công ty được tính như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách Công ty tại thời điểm 31/12/2008} = \frac{\text{Tổng giá trị tài sản – (Tài sản vô hình + Nợ) tại thời điểm 31/12/2008}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2008}} = \frac{261.549.802.797}{8.100.000} = \mathbf{32.290} \text{ (đồng/cổ phiếu)}$$

5.2 Phương pháp chiết khấu luồng cổ tức (DDM)

- Công thức tính:

$$PV = \sum_{t=1}^n \frac{CF_t}{(1+k)^t} + \frac{P_n}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

- PV là giá trị hiện tại của doanh nghiệp



- CF_t là giá trị luồng cổ tức (t có giá trị từ 1 cho đến 3) tính cho giai đoạn 2009-2011
- t là thứ tự các năm kế tiếp từ năm xác định giá cổ phiếu (t = 1 → n)
- k là tỷ lệ chiết khấu hay tỷ lệ hoàn vốn cần thiết của nhà đầu tư khi mua cổ phần. k tính theo công thức:

$$k = R_f + R_p, \text{ trong đó:}$$

R_f là tỷ suất lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư không rủi ro được tính bằng lãi suất của Trái phiếu chính phủ kỳ hạn 5 năm phát hành đợt gần nhất.

R_p là tỷ lệ phụ phí rủi ro khi đầu tư được xác định theo bảng số phụ phí rủi ro theo niên giám quốc tế tại niên giám định giá và không được vượt quá tỷ suất lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư không rủi ro.

$$k = 13,61\%$$

- g là tỷ lệ tăng trưởng hàng năm của cổ tức. g được tính theo công thức:

$$g = b \times R, \text{ trong đó:}$$

b: tỷ lệ lợi nhuận sau thuế để bổ sung vốn

R: tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân của các năm tương lai từ 2009 đến 2011

$$\text{Tỷ lệ tăng trưởng } g \text{ dự kiến cho giai đoạn từ năm 2012 trở đi là } g = 4,44\%$$

- P_n là giá trị các luồng cổ tức tương lai từ năm thứ (n + 1) trở đi được tính về thời điểm n. P_n được tính theo công thức:

$$P_n = CF_{n+1} / (k_{n+1} - g)$$

Trong đó:

CF_{n+1} là giá trị luồng tiền cổ tức cho năm thứ n + 1, được tính như sau

$$CF_{n+1} = CF_n \times (1+g)$$

Thay số vào công thức trên, giá của 1 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy sản MEKONG theo phương pháp chiết khấu luồng cổ tức là 22.686 đồng/cổ phiếu.

Qua so sánh giữa 2 phương pháp tính giá trên, giá niêm yết dự kiến của một cổ phiếu của Công ty cổ phần Thủy sản MEKONG dựa trên giá trung bình đã được làm tròn của 2 phương pháp là **28.000** đồng/cổ phiếu.



6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

- Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa **49%** tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên SGDCK TP HCM thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành;

Tính đến thời điểm 30/04/2009, Công ty không có cổ đông nào là tổ chức và cá nhân nước ngoài.

7. Các loại thuế có liên quan

Các loại thuế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp:

- Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 26/CN-UBND ngày 07/07/2006 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Cần Thơ, giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm từ ngày 01/01/2004. Ngoài ra, còn được ưu đãi bổ sung như sau:

+ Giảm 50% số thuế phải nộp cho phần thu nhập có được trong các trường hợp:

- Xuất khẩu mặt hàng mới có tính năng kinh tế - kỹ thuật, tính năng sử dụng khác với mặt hàng đã xuất khẩu trước đây.
- Xuất khẩu sang thị trường hoặc lãnh thổ, quốc gia mới.

+ Giảm 50% thuế phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu trong năm tài chính có doanh thu xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước.

+ Giảm 20% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập có được do xuất khẩu trong năm tài chính đối với trường hợp:

- Có doanh thu xuất khẩu đạt tỷ trọng trên 50% tổng doanh thu.
- Duy trì thị trường xuất khẩu ổn định về số lượng hoặc giá trị hàng hóa xuất khẩu trong 03 năm liên tục trước đó.

- Thuế giá trị gia tăng: Theo quy định của Thông tư 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính, Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% cho các mặt hàng thủy sản, phụ phẩm cá và 10% cho dịch vụ cho thuê kho, bán phế liệu

- Các loại thuế khác: Thuế môn bài, thuế tài nguyên. Công ty kê khai và nộp theo qui định.



- Thuế thu nhập cá nhân liên quan đến chứng khoán: Theo qui định tại *Điều 3 Khoản 3 Điểm b, Khoản 4 Điểm b, Khoản 9, Khoản 10 Luật thuế thu nhập cá nhân*: thu nhập từ cổ tức, chuyển nhượng chứng khoán, nhận thừa kế, quà tặng là chứng khoán thuộc thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân

- **Đối với thu nhập từ cổ tức:** *Điều 7 Khoản 1 Thông tư 62/2009/TT-BTC ngày 27/03/2009 hướng dẫn sửa đổi Thông tư 84/2008/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định 100/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc qui định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân*: Cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc nhận cổ phiếu thưởng chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân khi nhận cổ phiếu. Khi chuyển nhượng cổ phiếu, cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập từ đầu tư vốn.

Căn cứ để xác định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp là giá thực tế tại thời điểm chuyển nhượng và thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Nếu giá thực tế chuyển nhượng cổ phiếu thấp hơn mệnh giá thì không phải nộp thuế thu nhập cá nhân.

Nếu giá thực tế chuyển nhượng cổ phiếu cao hơn mệnh giá thì cá nhân nộp thuế theo mức thuế suất 0,1% trên giá thực tế chuyển nhượng hoặc theo mức thuế suất 20% trên chênh lệch giữa giá thực tế chuyển nhượng với mệnh giá hoặc giá trị cổ tức ghi trên sổ sách kế toán.

- **Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:** *Điều 16 Khoản 1 Nghị định 100/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc qui định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân*: Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán, bao gồm cả chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

Khoản 2 Điều 17 Nghị định 100: Thuế suất áp dụng là 20% trên tổng thu nhập tính thuế cả năm hoặc 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Đối với nhà đầu tư là cá nhân không cư trú tại Việt Nam thì thuế suất áp dụng là 0,1% trên từng lần chuyển nhượng.

- **Đối với thừa kế, quà tặng là chứng khoán:** *Mục II Điều 7.1.4 Thông tư 84/2008/TT-BTC*: thu nhập để tính thuế của chứng khoán là giá trị chứng khoán tại thời điểm chuyển quyền sở hữu.



Điều 7.2 Thông tư 84 thì Thuế suất áp dụng là 10%

- Thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến chứng khoán: *Điểm 1.2 Phần E Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và hướng dẫn thi hành nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 qui định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số chứng khoán của doanh nghiệp đã tham gia đầu tư chứng khoán cho một hoặc nhiều tổ chức cá nhân khác.*

Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua của chứng khoán chuyển nhượng, trừ (-) các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

Điểm 2.2 Thông tư 130: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 25%.

Đối với tổ chức Việt Nam số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thuế TNDN} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{tính thuế} \end{array} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Điều 1 Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10/08/2006 sửa đổi, bổ sung thông tư 100/2004/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán: các quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài được thành lập theo pháp luật nước ngoài, không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam nhưng có mở tài khoản đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, các tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương thức khoán: 0,1% tổng giá trị chứng khoán bán ra tại thời điểm chuyển nhượng.

- Qui định về giãn thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân: *Theo qui định tại Điều 1 Khoản 1, Điều 2 Khoản 1 Thông tư 27/2009/TT-BTC ngày 06/02/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện việc giãn thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân thì cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng chứng khoán thuộc đối tượng được giãn nộp thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/05/2009.*

Khoản 3.3 Điều 2 Thông tư 27 thì số thuế được giãn nộp, cá nhân có thu nhập được giữ lại trong thời gian được giãn.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức kiểm toán

❖ Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Địa chỉ : 229 Đồng Khởi, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84.8) 8 272 295

Fax: (84.8) 8 272 298 – 8 272 300

2. Tổ chức tư vấn

❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Trụ sở chính

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8 242897

Fax: (84.8) 8 242997

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ

Địa chỉ : 92-94-96-98 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.4) 8 218567

Fax : (84.4) 8 213867

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 9 366321

Fax : (84.4) 9 366311

Email : ssi_hn@ssi.com.vn

Chi nhánh Trần Bình Trọng

Địa chỉ : 25 Trần Bình Trọng, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 9 426718

Fax : (84.4) 9 426719

Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ : 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại : (84.31) 3 569123

Fax : (84.31) 3 569130

Chi nhánh Vũng Tàu:

Địa chỉ : 04 Lê Lợi, Phường 1, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại : (84.64) 3 521906

Fax : (84.64) 3 521907



VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục I.** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
Phụ lục II. Điều lệ Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu Công ty niêm yết;
Phụ lục III. Báo cáo kiểm toán năm 2006, 2007 và Báo cáo tài chính Quý I/2008 của Công ty CP Thủy sản Mekong;
Phụ lục IV. Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết cổ phiếu;
Phụ lục V. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT;

Tp Hồ Chí Minh, ngày... tháng năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC**

LƯƠNG HOÀNG MÃNH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN KIM PHƯỢNG

TRẦN THỊ BÉ NĂM

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

NGUYỄN HỒNG NAM